



BỘ XÂY DỰNG  
TRUNG TÂM THÔNG TIN

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

15

Tháng 8 - 2020

# ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ BỘ XÂY DỰNG LẦN THỨ IX THÀNH CÔNG TỐT ĐẸP

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2020



*Đồng chí Sơn Minh Thắng, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bí thư Đảng ủy Khối Cơ quan Trung ương phát biểu chỉ đạo Đại hội.*



*Đồng chí Lê Quang Hùng, Bí thư Đảng ủy Bộ Xây dựng khóa VIII trình bày Báo cáo chính trị*

**THÔNG TIN  
XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG  
**MỖI THÁNG 2 KỶ**  
TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH  
**NĂM THỨ HAI MỘT**

**15**

**SỐ 15 - 8/2020**



**TRUNG TÂM THÔNG TIN**

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

## **MỤC LỤC**

### **Văn bản quản lý**

#### **Văn bản các cơ quan TW**

- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 5
- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch Vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 6
- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Hà Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 8
- Thủ tướng Chính phủ ban hành các nhiệm vụ, giải pháp triển khai lập đồng thời các quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 11
- Bộ Xây dựng ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, giai đoạn 2020 - 2030 14

#### **Văn bản của địa phương**

- UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định quy định giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn tỉnh 15

## **CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH**

**BẠCH MINH TUẤN**

**Phó giám đốc Trung tâm**

**Thông tin**

### **Ban biên tập:**

CN. BẠCH MINH TUẤN  
(Trưởng ban)

CN. ĐỖ THỊ KIM NHẠN  
CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH  
CN. TRẦN ĐÌNH HÀ  
CN. NGUYỄN THỊ MAI ANH  
CN. NINH HOÀNG HẠNH

### **Khoa học công nghệ xây dựng**

- Nghiên cứu đề xuất giải pháp xử lý chất thải nhà tiêu, nước thải sinh hoạt và chất thải rắn theo hướng vệ sinh sinh thái, khép kín, phù hợp với vùng hải đảo 19
- Tình hình ứng dụng công nghệ và vật liệu xây dựng mới trong lĩnh vực công nghệ xây dựng ở Việt Nam hiện nay 21
- Nâng cao chất lượng của vật liệu xây và cấu kiện xây không nung ở Việt Nam 26
- Những vật liệu xây dựng của tương lai 30
- Các sáng kiến tiết kiệm năng lượng ở các thành phố thông minh 33

### **Thông tin**

- Hội nghị phổ biến văn bản quy phạm pháp luật về kiến trúc, xây dựng và quản lý chi phí đầu tư xây dựng 36
- Hội nghị góp ý cho Đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung TP Long Khánh, tỉnh Đồng Nai đến năm 2035 và định hướng đến năm 2050 38
- Thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản Quý II/2020 40
- Đại hội Đại biểu Đảng bộ Bộ Xây dựng lần thứ IX thành công tốt đẹp 43
- Tổng Công ty HUD khánh thành công trình nhà ở xã hội tại Khu đô thị mới Phước Long, Nha Trang 46
- Đề cao cuộc sống xanh và thúc đẩy phát triển xanh 48
- Nghi Xương thúc đẩy công tác phân loại rác thải sinh hoạt



## VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

# **Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

Ngày 20 tháng 7 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 1056/QĐ-TTg phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

### **1. Phạm vi quy hoạch**

Phần lãnh thổ thành phố Cần Thơ với tổng diện tích tự nhiên là 1.438,96 km<sup>2</sup>, gồm 09 đơn vị hành chính cấp huyện: các quận: Ninh Kiều, Bình Thủy, Ô Môn, Thốt Nốt, Cái Răng và các huyện: Phong Điền, Cờ Đỏ, Vĩnh Thạnh, Thới Lai.

- Phía Bắc tiếp giáp với tỉnh An Giang;
- Phía Nam tiếp giáp với tỉnh Hậu Giang;
- Phía Đông tiếp giáp với tỉnh Đồng Tháp và tỉnh Vĩnh Long;
- Phía Tây tiếp giáp với tỉnh Kiên Giang.

### **2. Quan điểm, nguyên tắc lập Quy hoạch**

- Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải phù hợp, thống nhất với mục tiêu, định hướng, nội dung của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm thời kỳ 2021 - 2030, Kế hoạch 5 năm 2021 - 2025 và tầm nhìn Việt Nam, các chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực quan trọng của cả nước và của vùng; các điều ước quốc tế mà Việt Nam là nước thành viên.

- Đảm bảo tính nhân dân, tuân thủ, liên tục, kế thừa, ổn định, thứ bậc, tương thích trong hệ thống quy hoạch quốc gia; tính tổng thể, đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực, các địa phương trên địa bàn thành phố; vừa đáp ứng các nhu cầu trong hiện tại, vừa tạo nền tảng phát triển cho các thời kỳ tiếp theo, hài hòa lợi ích của quốc gia, các vùng, các địa phương và lợi ích

của người dân; tính khả thi, khoa học, khách quan, linh hoạt, công khai, minh bạch; ứng dụng công nghệ hiện đại, kết nối liên thông, tiết kiệm, hiệu quả.

- Đánh giá đầy đủ các điều kiện, yếu tố và dự báo xu hướng, bối cảnh, tình hình quốc tế, khu vực, trong nước tác động đến phát triển của Thành phố và khả năng cân đối, huy động các nguồn lực trong thời kỳ quy hoạch; đánh giá khả năng khai thác liên kết vùng, hợp tác các địa phương trong cả nước, trước hết là kết nối giữa thành phố Cần Thơ với các tỉnh trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, nhất là kết nối hạ tầng liên vùng, cùng quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và các cân đối thị trường hàng hóa, dịch vụ thiết yếu.

- Xây dựng quan điểm, thiết lập tầm nhìn và xác định mục tiêu, định hướng không gian phát triển mới, các đột phá chiến lược để phát huy hiệu quả vai trò, vị thế, tiềm năng, lợi thế so sánh, lợi thế cạnh tranh đặc thù, riêng biệt, độc đáo của Cần Thơ là cửa ngõ giao thương quốc tế, trung tâm, động lực phát triển của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Đáp ứng cao nhất nhu cầu giao thương, hợp tác, thu hút đầu tư phát triển kinh tế, giao lưu văn hóa, hội nhập quốc tế; yêu cầu phát triển của các ngành, lĩnh vực quan trọng; yêu cầu bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên, bảo tồn đa dạng sinh học, thích ứng với biến đổi khí hậu; đảm bảo an sinh xã hội, công bằng xã hội, bình đẳng giới, giảm nghèo bền vững, đảm bảo sinh kế bền vững, nâng cao mức sống vật chất, thụ hưởng tinh thần của



nhân dân; phát huy, duy trì và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống; đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.

- Bảo đảm các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động quy hoạch quy định tại Điều 4 Luật Quy hoạch năm 2017.

### 3. Nội dung lập quy hoạch

Nội dung Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải thực hiện theo đúng các quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017 và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của địa phương.

- Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn.

- Đánh giá về việc thực hiện Quy hoạch thời kỳ trước.

- Xây dựng quan điểm, xác định mục tiêu và lựa chọn các phương án phát triển, phương án quy hoạch, phương hướng phát triển các ngành quan trọng và phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố:

+ Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội;

+ Phương án quy hoạch và phát triển hệ thống đô thị, nông thôn, các khu vực và khu chức năng; phương án tổ chức lãnh thổ và phân bố dân cư

+ Phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội

+ Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện;

+ Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện;

+ Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng hóa sinh học trên địa bàn Thành phố;

+ Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn Thành phố;

+ Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra;

+ Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn Thành phố;

+ Danh mục dự án của thành phố và thứ tự ưu tiên thực hiện;

+ Giải pháp, nguồn lực thực hiện Quy hoạch. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại ([www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))

## **Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch Vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 1163/QĐ-TTg phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch Vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

### 1. Phạm vi quy hoạch

- Vùng đất bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính của thành phố Cần Thơ và 12 tỉnh: Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Vĩnh

Long, Trà Vinh, Hậu Giang, An Giang, Sóc Trăng, Kiên Giang, Bạc Liêu và Cà Mau;

- Vùng biển ven bờ của các tỉnh: Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau và Kiên Giang;

- Phạm vi nghiên cứu của quy hoạch về mặt không gian được mở rộng đến các khu vực có ảnh hưởng và tác động đến đồng bằng sông Cửu Long về các mặt kinh tế, văn hóa - xã hội,

môi trường, liên kết vùng và liên vùng.

## **2. Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch**

### **a) Quan điểm lập quy hoạch**

- Phù hợp với quan điểm, mục tiêu, định hướng của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực của quốc gia và quy hoạch cấp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030;

- Phù hợp với tầm nhìn, mục tiêu, quan điểm phát triển bền vững Vùng Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu theo tinh thần của Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ: phát triển nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao, giá trị kinh tế cao với ba trọng tâm: thủy sản - cây ăn quả - lúa gạo, phù hợp với tiềm năng, lợi thế của vùng và xu hướng nhu cầu thị trường; phát triển nền kinh tế nông nghiệp đa dạng, kết hợp với phát triển dịch vụ, du lịch sinh thái, công nghiệp chế biến để nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp; ưu tiên phát triển công nghiệp xanh, khai thác hiệu quả tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo; phát triển bền vững kinh tế biển; lựa chọn mô hình tổ chức không gian, phát triển hệ thống đô thị, điểm dân cư nông thôn và kết cấu hạ tầng phù hợp điều kiện tự nhiên, hệ sinh thái, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo đảm an toàn trước thiên tai; khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là tài nguyên nước; bảo đảm an sinh xã hội và chú trọng bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc, đa dạng sinh học, môi trường sinh thái của vùng;

- Đảm bảo liên kết tổng thể toàn vùng, tăng cường hợp tác liên kết phát triển giữa các tiểu vùng và địa phương trong vùng, giữa vùng với Thành phố Hồ Chí Minh và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam;

- Phát triển kinh tế - xã hội, gắn với củng cố quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; chủ động hội nhập và hợp tác quốc tế; tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp

tác giữa Việt Nam với các nước đặc biệt là với các nước ASEAN và Tiểu vùng sông Mê Công.

### **b) Mục tiêu lập quy hoạch**

- Việc lập Quy hoạch Vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm xác định phương hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường có tính liên ngành, liên vùng và liên tỉnh trên cơ sở phát huy tiềm năng, thế mạnh của vùng, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực nhằm phát triển Vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2050 trở thành vùng có trình độ phát triển khá so với cả nước theo yêu cầu đề ra tại Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ;

- Giải quyết các vấn đề mất cân đối chính trong phát triển Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, bao gồm: Việc cân đối an ninh lương thực và đất lúa trong điều kiện biến đổi khí hậu; việc chuyển đổi kết cấu hạ tầng để phù hợp với chuyển đổi mô hình phát triển nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, đặc biệt là chuyển đổi sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu tại các tiểu vùng sinh thái; xu hướng sụt giảm dân số, sự dịch chuyển của nguồn nhân lực chất lượng cao sang các địa phương khác và mặt bằng học vấn, chất lượng giáo dục - đào tạo, y tế thấp; việc quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên nước trong bối cảnh các hoạt động phát triển ở thượng nguồn sông Mê Công và tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng; các vấn đề về ô nhiễm môi trường, mất cân bằng sinh thái, sụt lún đất, suy giảm mực nước ngầm, xâm thực bờ biển, suy giảm tài nguyên rừng do hệ lụy từ việc phát triển kinh tế cường độ cao; tình trạng sạt lở bờ sông, bờ biển làm ảnh hưởng đến tính mạng và tài sản của người dân và ảnh hưởng nghiêm trọng đến an toàn các công trình phòng chống thiên tai và cơ sở hạ tầng vùng ven biển;

- Cụ thể hóa và kết nối thống nhất, đồng bộ phương hướng tổ chức không gian và phát triển

của các ngành, lĩnh vực trên phạm vi lãnh thổ của vùng được đề ra trong quy hoạch cấp quốc gia; là cơ sở để lập quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị trên phạm vi lãnh thổ vùng nhằm đảm bảo tính liên kết, đồng bộ, kế thừa, ổn định và hệ thống giữa các quy hoạch;

- Tạo cơ sở để quản lý và thu hút đầu tư; điều phối liên kết phát triển vùng.

### **3. Nội dung chính của quy hoạch**

- Phân tích, đánh giá thực trạng các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực đặc thù của vùng; đánh giá tổng hợp điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức; các vấn đề trọng tâm cần giải quyết trong quy hoạch vùng;

- Dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển vùng các mặt kinh tế, xã hội và môi trường và tổ chức không gian lãnh thổ; xây dựng và lựa chọn kịch bản phát triển;

- Xác định quan điểm về phát triển vùng, tổ chức không gian phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên lãnh thổ vùng trong thời kỳ quy hoạch;

- Xây dựng mục tiêu tổng quát phát triển vùng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường gắn với tổ chức không gian phát triển vùng cho thời kỳ đến năm 2030 và cho từng giai đoạn 5 năm;

- Xây dựng phương hướng phát triển ngành có lợi thế của vùng;

- Xây dựng phương án phát triển, sắp xếp, lựa chọn và phân bố nguồn lực phát triển trên lãnh thổ vùng;

- Phương hướng xây dựng, tổ chức không gian;

- Xây dựng phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng;

- Xây dựng phương hướng bảo vệ môi trường, khai thác, bảo vệ tài nguyên nước lưu vực sông, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên lãnh thổ vùng;

- Xây dựng tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư; luận chứng danh mục dự án quan trọng của vùng, thứ tự ưu tiên và phân kỳ thực hiện;

- Xác định các giải pháp và dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

**Xem toàn văn tại ([www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))**

## **Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Hà Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

Ngày 04 tháng 8 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 1177/QĐ-TTg Phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Hà Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

**1. Phạm vi quy hoạch:** Phần lãnh thổ tỉnh Hà Giang với tổng diện tích tự nhiên là 7.914,88 km<sup>2</sup> gồm 11 đơn vị hành chính cấp huyện: Thành phố Hà Giang và các huyện: Bắc Mê, Bắc Quang, Đồng Văn, Hoàng Su Phì, Mèo

Vạc, Quản Bạ, Quang Bình, Vị Xuyên, Xín Mần, Yên Minh.

- Phía Bắc và Tây Bắc giáp với tỉnh Vân Nam và tỉnh Quảng Tây của Trung Quốc.

- Phía Nam giáp với tỉnh Tuyên Quang.

- Phía Đông giáp với tỉnh Cao Bằng.

- Phía Tây giáp với tỉnh Lào Cai và tỉnh Yên Bái.

**2. Quan điểm, nguyên tắc lập quy hoạch**



- Quy hoạch tỉnh Hà Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải phù hợp, thống nhất với mục tiêu, định hướng, nội dung của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm thời kỳ 2021 - 2030, Kế hoạch 5 năm 2021 - 2025 và tầm nhìn Việt Nam, các chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực quan trọng của cả nước và của vùng; các điều ước quốc tế mà Việt Nam là nước thành viên.

- Đảm bảo tính nhân dân, tuân thủ, liên tục, kế thừa, ổn định, thứ bậc, tương thích trong hệ thống quy hoạch quốc gia; tính tổng thể, đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực, các địa phương trong tỉnh vừa đáp ứng các nhu cầu trong hiện tại, vừa tạo nền tảng phát triển cho các thời kỳ tiếp theo, hài hòa lợi ích của quốc gia, các vùng, các địa phương và lợi ích của người dân; tính khả thi, khoa học, khách quan, linh hoạt, công khai, minh bạch; ứng dụng công nghệ hiện đại, kết nối liên thông, tiết kiệm, hiệu quả.

- Đánh giá đầy đủ các điều kiện, yếu tố và dự báo xu hướng, bối cảnh, tình hình quốc tế, khu vực, trong nước tác động đến phát triển của Tỉnh và khả năng cân đối, huy động các nguồn lực trong thời kỳ quy hoạch; đánh giá khả năng khai thác liên kết vùng, hợp tác với các địa phương trong vùng và cả nước, trước hết là kết nối giữa tỉnh Hà Giang với các tỉnh trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc, nhất là kết nối hạ tầng liên vùng, cùng quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và các cân đối thị trường hàng hóa, dịch vụ thiết yếu.

- Xây dựng quan điểm, thiết lập tầm nhìn và xác định mục tiêu, định hướng không gian phát triển mới để phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế so sánh, lợi thế cạnh tranh đặc thù, riêng biệt, độc đáo của Hà Giang so với các địa phương lân cận trong khu vực, có tuyến đường biên giới dài thuận lợi cho giao lưu kinh tế, đối ngoại, hợp tác quốc tế với các tỉnh phía Tây,

Tây Nam của Trung Quốc; chú trọng nghiên cứu phát triển một số nhóm ngành, lĩnh vực như: Du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái kết hợp du lịch văn hóa-cộng đồng, du lịch mạo hiểm; nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao gắn với công nghiệp chế biến; xây dựng các vùng nguyên liệu quy mô lớn, có thể mạnh theo chuỗi giá trị và tiêu chuẩn an toàn gắn với thương hiệu, sản phẩm đặc thù; phát triển kinh tế biên mậu, logistics...

- Đáp ứng nhu cầu giao thương, hợp tác, thu hút đầu tư phát triển kinh tế, giao lưu văn hóa, hội nhập quốc tế, tăng cường quan hệ hữu nghị với nước bạn Trung Quốc; yêu cầu phát triển của các ngành, lĩnh vực quan trọng; yêu cầu bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả và bảo vệ tài nguyên, bảo tồn đa dạng sinh học, thích ứng với biến đổi khí hậu; đảm bảo an sinh xã hội, bình đẳng giới, tiến bộ và công bằng xã hội; giảm nghèo bền vững, nâng cao mức sống vật chất, thụ hưởng tinh thần của nhân dân; phát triển nguồn nhân lực cả về chất lượng và số lượng; phát huy và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, bản sắc văn hóa tốt đẹp của đồng bào dân tộc thiểu số; quan tâm đầu tư phát triển vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội thiết yếu, đảm bảo sinh kế bền vững cho người dân; bố trí, sắp xếp dân cư bảo đảm phù hợp với thực tiễn và phong tục tập quán của người dân; đảm bảo quốc phòng, chủ quyền biên giới quốc gia, an ninh, trật tự an toàn xã hội.

- Bảo đảm các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động quy hoạch quy định tại Điều 4 Luật Quy hoạch năm 2017.

### **3. Mục tiêu lập quy hoạch**

- Quy hoạch tỉnh Hà Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 là cơ sở để lãnh

đạo, chỉ đạo và quản lý toàn diện, thống nhất trong phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, hội nhập, đối ngoại trên địa bàn; là căn cứ để hoạch định chính sách, xây dựng kế hoạch đầu tư và kiến tạo động lực phát triển sản xuất, kinh doanh, an sinh xã hội, an ninh, an toàn, văn minh. Phấn đấu đến năm 2030, Hà Giang trở thành tỉnh phát triển khá của vùng Trung du và miền núi phía Bắc, điển hình về giảm nghèo bền vững, giảm dân số xã, thôn đặc biệt khó khăn.

- Cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc ở cấp tỉnh về không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, hệ thống đô thị và phân bố dân cư nông thôn, kết cấu hạ tầng, phân bổ đất đai, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên cơ sở kết nối quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn.

- Loại bỏ các quy hoạch chồng chéo ảnh hưởng đến đầu tư phát triển. Xây dựng kịch bản phát triển, ý tưởng và phương án tổng thể, sắp xếp, bố trí hợp lý không gian nhằm giải quyết các vấn đề xung đột về không gian, định hướng không gian đáp ứng các nhu cầu phát triển trong thời kỳ quy hoạch.

- UBND tỉnh Hà Giang xây dựng các chỉ tiêu chủ yếu theo chủ trương, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm tính khả thi và tiến độ thực hiện.

#### **4. Nội dung lập quy hoạch**

Nội dung Quy hoạch tỉnh Hà Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải thực hiện theo đúng các quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch năm 2017 và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố,

điều kiện phát triển đặc thù của địa phương.

- Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn.

- Đánh giá về việc thực hiện Quy hoạch thời kỳ trước.

- Xây dựng quan điểm, xác định mục tiêu và lựa chọn các phương án phát triển, phương án quy hoạch, phương hướng phát triển các ngành quan trọng và phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh:

+ Xây dựng quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển tỉnh.

+ Xác định phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh.

+ Xây dựng và lựa chọn các phương án: Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội; Phương án quy hoạch và phát triển hệ thống đô thị, nông thôn, các khu vực và khu chức năng; phương án tổ chức lãnh thổ và phân bố dân cư; Phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện; Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện; Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng hóa sinh học trên địa bàn tỉnh; Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh; Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh;

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Xem toàn văn tại ([www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))**

## **Thủ tướng Chính phủ ban hành các nhiệm vụ, giải pháp triển khai lập đồng thời các quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

Ngày 27 tháng 7 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã có Chỉ thị số 30/CT-TTg ban hành các nhiệm vụ, giải pháp triển khai lập đồng thời các quy hoạch thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

### **1. Quan điểm chỉ đạo**

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương quán triệt tinh thần chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 11/NQ-CP, Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2019, tập trung chỉ đạo và bố trí nguồn lực, khẩn trương tổ chức lập các quy hoạch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia theo quy định của Luật Quy hoạch và các luật, pháp lệnh đã được sửa đổi, bổ sung có liên quan đến quy hoạch nhằm góp phần khơi thông các điểm nghẽn phát triển, kết nối các ngành, lĩnh vực, các vùng, địa phương, phát huy tối đa tiềm năng và lợi thế, xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ nhất là hạ tầng giao thông, thủy lợi, các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin và nguồn nhân lực chất lượng cao, đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, tận dụng thời cơ để đón dòng dịch chuyển vốn đầu tư, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, thực hiện thành công Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030, khẳng định vị thế, tinh thần Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương quán triệt và triển khai lập quy hoạch theo phương pháp tiếp cận tích hợp quy hoạch được quy định tại Luật Quy hoạch, tăng cường sự phối hợp giữa các ngành, các cấp trong quá trình lập đồng thời các quy hoạch theo quy định

tại Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 bảo đảm tiến độ, tính liên kết, đồng bộ, kế thừa, ổn định và hệ thống giữa các quy hoạch.

- Quá trình tổ chức lập các quy hoạch phải tuân thủ các nguyên tắc được quy định tại Luật Quy hoạch. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương từng bước chuẩn bị sẵn sàng về tổ chức bộ máy, cơ sở vật chất và năng lực cán bộ để triển khai theo dõi, đánh giá, thực hiện quy hoạch, bảo đảm thực hiện chính sách “Nhà nước quản lý phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường theo quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt” quy định tại Điều 10 Luật Quy hoạch, kiên quyết chống tham nhũng, lợi ích nhóm, trục lợi chính sách trong công tác quy hoạch, quản lý và triển khai thực hiện quy hoạch, xử lý nghiêm minh các vi phạm.

### **2. Các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể**

a. Tổ chức lập đồng thời các quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trong hệ thống quy hoạch quốc gia:

- Theo nhiệm vụ được phân công tại Quyết định số 995/QĐ-TTg ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về giao nhiệm vụ cho các Bộ tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, cơ quan tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khẩn trương hoàn thiện Hồ sơ trình thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trong tháng 8 năm 2020.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên

quan, trình Hội đồng quy hoạch quốc gia văn bản hướng dẫn về quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, định hướng ưu tiên phát triển và định hướng sắp xếp, phân bổ không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh của quốc gia vào quý III năm 2020.

- Theo nhiệm vụ được phân công tại Quyết định số 995/QĐ-TTg ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về giao nhiệm vụ cho các Bộ tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, cơ quan tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia có văn bản thông tin đề xuất quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, định hướng ưu tiên phát triển và định hướng sắp xếp, phân bổ không gian trên địa bàn quốc gia, vùng, tỉnh các hoạt động của ngành, gửi cơ quan thường trực Hội đồng quy hoạch quốc gia trong quý IV năm 2020, trình Hội đồng quy hoạch quốc gia chỉ đạo các địa phương lập quy hoạch vùng, tỉnh để bảo đảm xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông, thủy lợi, các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất.

- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khẩn trương tổ chức lập quy hoạch tỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch, chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 11/NQ-CP và chỉ đạo của Hội đồng quy hoạch quốc gia, bảo đảm phù hợp với Nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh được phê duyệt.

- Hướng dẫn lập quy hoạch theo phương pháp tiếp cận tích hợp quy hoạch.

+ Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, xây dựng hướng dẫn về cách thức, mức độ tích hợp nội dung các quy hoạch ngành, lĩnh vực vào quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, hoàn thành trong quý IV năm 2020.

+ Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong quá trình xây dựng hướng dẫn lập quy hoạch theo

phương pháp tiếp cận tích hợp quy hoạch.

b. Hội đồng quy hoạch quốc gia tham mưu, giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo xử lý các vấn đề liên ngành, liên vùng, liên tỉnh, các vấn đề có ý kiến khác nhau giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương trong quá trình lập đồng thời các quy hoạch để bảo đảm tính liên kết, đồng bộ, kế thừa, ổn định và hệ thống giữa các quy hoạch theo quy định tại Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (cơ quan thường trực của Hội đồng quy hoạch quốc gia) có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương có liên quan tổ chức triển khai lập quy hoạch theo nhiệm vụ được phân công; tổng hợp ý kiến và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quy hoạch quốc gia xem xét, giải quyết kịp thời các nội dung vướng mắc vượt thẩm quyền.

- Văn phòng Chính phủ thực hiện nhiệm vụ tham mưu tổng hợp, giúp việc Phó Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Hội đồng quy hoạch quốc gia, tham mưu xử lý các vấn đề có ý kiến khác nhau giữa các Bộ, cơ quan theo quy định tại Quy chế làm việc của Chính phủ.

c. Tăng cường phối hợp, chia sẻ thông tin và chế độ báo cáo trong quá trình lập đồng thời các quy hoạch

- Hội đồng quy hoạch quốc gia chỉ đạo, đôn đốc việc phối hợp, chia sẻ thông tin giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương trong quá trình lập quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư

+ Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát tình hình triển khai Nghị quyết số 11/NQ-CP.

+ Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương rà soát, tổng hợp và báo cáo

Hội đồng quy hoạch quốc gia, Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ về tình hình triển khai lập các quy hoạch trong hệ thống quy hoạch quốc gia trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

+ Tiếp nhận và phát hiện các nội dung mâu thuẫn, chồng lấn giữa các quy hoạch để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương

+ Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương tổ chức thực hiện nghiêm túc việc lấy ý kiến về quy hoạch theo quy định của pháp luật; phối hợp chặt chẽ với Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan trong quá trình điều chỉnh các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thuộc danh mục đã được Chính phủ ban hành, đảm bảo tính kế thừa, liên tục, ổn định giữa quy hoạch ở các thời kỳ, bảo đảm sự liên kết, tính đồng bộ và hệ thống trong phát triển các ngành và các vùng trong cả nước, giữa các địa phương trong vùng và khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn lực của đất nước. Kiên quyết chống tham nhũng lợi ích nhóm, trục lợi chính sách trong quản lý và triển khai thực hiện quy hoạch, xử lý nghiêm các vi phạm.

+ UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương có liên quan đối với nội dung quy hoạch tỉnh; báo cáo Hội đồng quy hoạch quốc gia xem xét, cho ý kiến đối với trường hợp có ý kiến khác nhau giữa Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương.

d. Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch đảm bảo vận hành thống nhất trên phạm vi cả nước phục vụ cho hoạt động quy hoạch

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng và ban

hành hướng dẫn quản lý, khai thác hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch trong quý IV năm 2020.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng và ban hành hướng dẫn quản lý, khai thác hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia đã được chuẩn hóa và được cập nhật thường xuyên để tạo dữ liệu khung cho hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch trong quý III năm 2020.

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương

+ Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản hướng dẫn về hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch; phối hợp xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch.

+ Chia sẻ, cập nhật thông tin và cơ sở dữ liệu về quy hoạch, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, địa phương thuộc phạm vi quản lý trên hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch để phục vụ việc tổ chức lập đồng thời quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030.

e. Nâng cao năng lực cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động quy hoạch

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư

+ Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về tăng cường năng lực quản lý nhà nước trong quản lý hoạt động quy hoạch.

+ Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan phổ biến, giáo dục pháp luật về quy hoạch.

- Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương

Tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật về quy hoạch cho các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

**Xem toàn văn tại ([www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))**



## **Bộ Xây dựng ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, giai đoạn 2020 - 2030**

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 967/QĐ-BXD ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, giai đoạn 2020 - 2030.

### **1. Mục tiêu**

#### **a. Mục tiêu chung:**

Kế hoạch hành động thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu của Bộ Xây dựng nhằm xây dựng các giải pháp cụ thể triển khai các nhiệm vụ đã nêu trong Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu ban hành theo Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

#### **b. Mục tiêu cụ thể**

- Thực hiện giảm phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính đối với các lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng, phát triển các công trình xây dựng, đô thị, hạ tầng kỹ thuật đô thị phù hợp với cam kết của Chính phủ Việt Nam đối với quốc tế nêu trong Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC);

- Hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách nhằm hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, các công trình xây dựng đầu tư cải tiến công nghệ, tăng cường năng lực quản lý sản xuất, xây dựng công trình nhằm giảm phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính;

- Nâng cao năng lực quản lý của Bộ Xây dựng về giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực quản lý của Ngành.

### **2. Các nhiệm vụ chủ yếu của Kế hoạch hành động theo 04 nhóm:**

- Nhiệm vụ giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.  
- Nhiệm vụ thích ứng với biến đổi khí hậu.  
- Nhiệm vụ về chuẩn bị nguồn lực.  
- Nhiệm vụ thiết lập hệ thống công khai, minh bạch về Đo đạc, báo cáo, thẩm định (MRV).

### **3. Các nhiệm vụ của kế hoạch hành động**

### **của bộ xây dựng thực hiện thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, giai đoạn 2020 - 2030**

#### **a. Nhiệm vụ giảm nhẹ phát thải khí nhà kính**

- Thực hiện kiểm kê KNK định kỳ cho năm 2018, 2020 đối với sản xuất VLXD, chất thải rắn, công trình XD và ĐT

- Nghiên cứu và đề xuất cơ chế hợp tác về giảm nhẹ phát thải KNK theo Điều 6 của Thỏa thuận Paris đối với các hoạt động của ngành XD.

- Xây dựng NAMA cho sản xuất VLXD, công trình xây dựng, rà soát NAMA xi măng

- Thực hiện giảm nhẹ phát thải KNK của ngành xây dựng nhằm thực hiện NDC phù hợp với điều kiện quốc gia trên cơ sở đánh giá nỗ lực toàn cầu định kỳ.

#### **b. Nhiệm vụ thích ứng với biến đổi khí hậu (BĐKH)**

- Xây dựng kế hoạch thích ứng với BĐKH của ngành XD

- Rà soát thông tin, dữ liệu hiện có về thích ứng với BĐKH, tổn thất và thiệt hại; Cập nhật hệ thống dữ liệu của ngành về thích ứng với BĐKH.

- Đánh giá mức độ rủi ro và tính dễ bị tổn thương đối với nhà ở, HTKTĐT do BĐKH và xác định nhu cầu thích ứng, giải pháp thích ứng với BĐKH. Tổng hợp các mô hình ĐT ứng phó với BĐKH phù hợp điều kiện Việt Nam.

- Hoàn thiện quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về cơ sở hạ tầng, các công trình công cộng và dân sinh phù hợp với bối cảnh BĐKH.

- Thực hiện lồng ghép thích ứng với BĐKH vào quy hoạch ĐT, quy hoạch XD trên cơ sở kịch bản BĐKH.

- Chống ngập cho các thành phố ven biển, xây dựng các cơ sở hạ tầng ĐT chống chịu với tác động của BĐKH và NBD; củng cố và xây mới

các công trình cấp, thoát nước tại các ĐT lớn.

c. Hoàn thiện chính sách, chuẩn bị nguồn lực

- Nghiên cứu hoàn thiện chính sách, thể chế về giảm nhẹ phát thải KNK trong ĐT, sản xuất VLXD, quản lý chất thải rắn, phát triển công trình xanh.

- Nghiên cứu hoàn thiện chính sách, thể chế về quy hoạch phát triển ĐT, HTKT thích ứng với BĐKH.

- Xây dựng chương trình đào tạo, giảng dạy, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về BĐKH đáp ứng nhu cầu thực hiện Thỏa thuận Paris.

- Đánh giá nhu cầu công nghệ thích ứng với BĐKH và giảm nhẹ phát thải KNK, đối với lĩnh vực XD, phù hợp với điều kiện Việt Nam.

- Áp dụng thử nghiệm một số công nghệ ứng phó với BĐKH có tiềm năng và phù hợp với điều kiện Việt Nam.

- Rà soát, đề xuất cơ chế chính sách khuyến khích nghiên cứu chuyển giao công nghệ về BĐKH; tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, trao đổi công nghệ.

- Xây dựng khung huy động nguồn lực cho BĐKH và TTX.

- Đề xuất danh mục các dự án của Bộ Xây dựng ứng phó với BĐKH và TTX, ưu tiên dự án thực hiện cam kết NDC, có khả năng huy động sự tham gia của các thành phần kinh tế, huy

động nguồn lực từ khối tư nhân, hỗ trợ quốc tế.

d. Thiết lập hệ thống công khai, minh bạch (MRV)

- Thiết lập và hoàn thiện hệ thống MRV cho các hoạt động giảm nhẹ phát thải KNK cấp ngành cho công trình XD, sản xuất VLXD, chất thải rắn, ĐT.

- Định kỳ xây dựng Thông báo thích ứng quốc gia đối với lĩnh vực xây dựng, bao gồm cả tiến độ đạt được, mục tiêu thích ứng trong NDC.

- Xây dựng hệ thống giám sát chuyển giao công nghệ và tăng cường năng lực của ngành XD.

- Lồng ghép các vấn đề BĐKH và TTX trong các chính sách, quy hoạch, kế hoạch của ngành XD.

- Tăng cường điều phối, giải quyết các vấn đề liên vùng, liên ngành trong ứng phó với BĐKH - Xác định các vấn đề liên ngành, liên vùng phối hợp thực hiện.

- Tăng cường đàm phán quốc tế xây dựng các hướng dẫn thực hiện Thỏa thuận Paris: Huy động các nguồn lực quốc tế hỗ trợ ứng phó với BĐKH của ngành XD.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Xem toàn văn tại ([www.moc.gov.vn](http://www.moc.gov.vn))**

## VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

### **UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định quy định giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn tỉnh**

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, UBND tỉnh Quảng Nam đã có Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND quy định giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định về bảng giá cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng: được áp dụng đối với

các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan đến công tác quản lý, vận hành cho thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước và các cá nhân, tổ chức đang thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

3. Ban hành quy định giá cho thuê nhà ở, nhà không có nguồn gốc là nhà ở nhưng được bố trí sử dụng trước ngày 05/7/1994 (ngày ban

hành Nghị định số 61/CP của Chính phủ về mua bán và kinh doanh nhà ở) mà chưa được cải tạo, xây dựng lại cho các hộ gia đình, cá nhân thuê để ở, bao gồm tiền thuê nhà, tiền thuê đất và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, cụ thể như sau:

a) Tiền thuê nhà

Bảng giá chuẩn cho thuê nhà

STT	Loại nhà	Đơn giá (đồng/m <sup>2</sup> sử dụng/tháng)
1	Nhà trệt (kể cả nhà có gác lửng)	11.300
2	Nhà 2 tầng	16.800
3	Nhà 3 tầng	17.400
4	Nhà 4 tầng trở lên	18.800

Bảng giá chuẩn cho thuê nhà nêu trên được xây dựng tại thời điểm mức lương cơ sở theo quy định của Nhà nước tại Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ là 1.490.000 đồng.

Trường hợp Nhà nước có điều chỉnh tăng tiền lương cơ sở thì mức giá chuẩn cho thuê nhà trên được điều chỉnh tương ứng với tỷ lệ tăng của tiền lương.

b) Tiền thuê đất và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

- Tiền thuê đất được xác định theo quy định và được ổn định 05 năm. Số tiền thuê đất phải nộp hàng năm được xác định trên cơ sở diện tích đất đo đạc thực tế của từng căn nhà (bao gồm cả diện tích đất chưa xây dựng) do cơ quan được cấp có thẩm quyền giao quản lý nhà nước thuộc sở hữu Nhà nước xác định nhân (x) với đơn giá thuê đất do cơ quan được giao tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 Quyết định số 25/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh xác định. Tiền thuê đất bình quân hàng tháng được xác định trên cơ sở số tiền thuê đất hàng năm

chia (:) cho 12 tháng.

+ Thời hạn nộp tiền thuê đất theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 24 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về tiền thuê đất, thuê mặt nước.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp được xác định theo quy định và được ổn định trong 05 năm. Tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp phải nộp hàng năm được xác định dựa trên cơ sở diện tích đất đo đạc thực tế của từng căn nhà (bao gồm cả diện tích đất chưa xây dựng) do cơ quan được cấp có thẩm quyền giao quản lý nhà nước thuộc sở hữu Nhà nước xác định nhân (x) với giá của 1 m<sup>2</sup> đất theo mục đích sử dụng của thửa đất tính thuế do UBND tỉnh quy định tại thời điểm ký hợp đồng và nhân (x) với thuế suất sử dụng đất phi nông nghiệp hiện hành. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp bình quân hàng tháng được xác định trên cơ sở tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp hàng năm chia (:) cho 12 tháng.

+ Thời hạn nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo khoản 3 Điều 17 Thông tư số

153/20n/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

- Trường hợp khác

+ Đối với nhà ở quy định ở trên đã được Nhà nước cải tạo, xây dựng lại; nhà ở hoặc nhà không có nguồn gốc là nhà ở nhưng được bố trí sử dụng từ ngày 05/7/1994 đến trước ngày 19/01/2007 (ngày ban hành Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước) thì áp dụng giá thuê như đối với nhà ở xã hội thuộc sở hữu Nhà nước.

+ Trường hợp bố trí sử dụng nhà ở từ sau

ngày 19/01/2007 thì thực hiện giải quyết theo quy định về quản lý tài sản nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước.

3. Các hệ số điều chỉnh tăng, giảm mức giá cho thuê nhà

a. Các nhóm hệ số

- Hệ số cấp đô thị (K1);

- Hệ số vị trí xét theo các khu vực (K2);

- Hệ số tầng cao (K3);

- Hệ số điều kiện hạ tầng kỹ thuật (K4).

Trị số K1, K2, K3 và K4 được quy định như sau:

Hệ số cấp đô thị (K1)

Loại đô thị	V	IV	III	II
Hệ số K1	-0,2	-0,15	-0,10	-0,05

Hệ số K1 áp dụng tại các địa phương như sau:

Thành phố Tam Kỳ, thành phố Hội An: K1 = -0,10.

Thị xã Điện Bàn: K1 = -0,15.

Các huyện còn lại: K1 = -0,2.

-Hệ số vị trí xét theo khu vực (K2)

Khu vực	Trung tâm	Ven nội
Hệ số K2	0,00	-0,20

Hệ số tầng cao K3

Tầng nhà	Tầng trệt	Tầng 2	Tầng 3	Tầng 4	Tầng 5	Tầng 6 trở lên
Hệ số K3	+ 0,15	+0,05	0,00	-0,10	-0,20	-0,30

## Hệ số điều kiện hạ tầng kỹ thuật (K4)

Điều kiện hạ tầng kỹ thuật	Tốt	Trung bình	Kém
Hệ số K4	0,00	-0,10	-0,20

+ Các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật chủ yếu (gắn liền với nhà ở) để đánh giá nhà ở bao gồm: điều kiện giao thông, điều kiện vệ sinh của nhà ở, điều kiện hệ thống cấp thoát nước, cụ thể:

+ Điều kiện hạ tầng kỹ thuật đạt loại tốt khi đảm bảo cả ba điều kiện sau: điều kiện 1: nhà ở có đường cho ô tô đến tận ngôi nhà; điều kiện 2: có khu vệ sinh khép kín; điều kiện 3: có hệ thống cấp thoát nước hoạt động bình thường.

+ Điều kiện hạ tầng kỹ thuật đạt loại trung bình khi chỉ đảm bảo điều kiện 1 hoặc có đủ điều kiện 2 và 3.

+ Điều kiện hạ tầng kỹ thuật đạt loại kém khi nhà ở chỉ có điều kiện 2 hoặc điều kiện 3 hoặc không đảm bảo cả 3 điều kiện trên.

- Nguyên tắc áp dụng các hệ số; đơn giá cho thuê và tiền thuê nhà phải trả thực hiện

theo quy định tại Thông tư số 11/2008/TT-BXD ngày 05/5/2008 của Bộ Xây dựng.

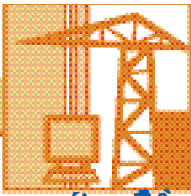
**4. Miễn, giảm tiền thuê nhà**

- Việc thực hiện miễn, giảm tiền thuê nhà thuộc sở hữu Nhà nước chưa được cải tạo, xây dựng lại trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 17/2008/QĐ-TTg ngày 28/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ và Điều 59 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ và các văn bản quy định của pháp luật (nếu có).

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 7 năm 2020.

**Xem toàn văn tại  
([www.quangnam.gov.vn](http://www.quangnam.gov.vn))**





## **Nghiên cứu đề xuất giải pháp xử lý chất thải nhà tiêu, nước thải sinh hoạt và chất thải rắn theo hướng vệ sinh sinh thái, khép kín, phù hợp với vùng hải đảo**

Ngày 7/8/2020, tại Hà Nội, Hội đồng Tư vấn Bộ Xây dựng tổ chức cuộc họp đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề tài “Nghiên cứu đề xuất giải pháp xử lý chất thải nhà tiêu, nước thải sinh hoạt và chất thải rắn theo hướng vệ sinh sinh thái, khép kín, phù hợp với vùng hải đảo”. Vụ trưởng Vụ KHCN và môi trường Vũ Ngọc Anh - Chủ tịch Hội đồng, chủ trì cuộc họp.

Báo cáo kết quả nghiên cứu, Chủ nhiệm đề tài - GS.TS Nguyễn Việt Anh (Trường Đại học Xây dựng) nêu lên lý do, sự cần thiết phải nghiên cứu đề xuất giải pháp xử lý chất thải nhà tiêu, nước thải sinh hoạt và chất thải rắn theo hướng vệ sinh sinh thái, khép kín, phù hợp với vùng hải đảo.

Theo đó, theo các kết quả khảo sát, vùng biển đảo nước ta có khí hậu khắc nghiệt, nhiều nắng gió, mưa bão, nhiệt đới ẩm và gió mùa, nhiệt độ và độ ẩm không khí cao, gây ăn mòn mạnh đối với các kết cấu xây dựng bằng bê tông và kim loại, trong đó có cốt thép trong bê tông cốt thép. Ngoài ra, các dịch vụ cấp thoát nước, thu gom và xử lý chất thải rắn ở nhiều vùng ven biển, hải đảo còn rất hạn chế, bất cập, chưa có quy hoạch hợp lý, thiếu đầu tư đồng bộ, do khả năng tiếp cận khó khăn và không có kinh phí bảo trì... Đặc biệt, hiện nay Việt Nam rất thiếu các giải pháp cung cấp nước sạch, thu gom và xử lý nước thải, xử lý chất thải rắn cho các địa điểm xa xôi, khó tiếp cận ở ven biển và trên các đảo, cho các đơn vị bộ đội hay dân cư.

Mô hình nhà tiêu trên các đảo chủ yếu là loại nhà tiêu dội nước với bể tự hoại xây bằng gạch, đá... Ở những nơi thiếu nước ngọt, bộ đội và cư dân trên đảo sử dụng nước biển để dội nhà tiêu.



*GS.TS Nguyễn Việt Anh báo vệ đề tài trước Hội đồng*

Trong môi trường nước biển mặn, vi sinh vật trong bể tự hoại không phân hủy được chất thải hoặc phân hủy rất chậm. Phân bùn từ bể tự hoại không phân hủy được, trôi nổi xung quanh đảo. Nước xám (nước rửa, tắm, giặt, bếp...) phần lớn đều cho thấm ra cát, chảy thẳng ra biển. Tình trạng này dẫn đến môi trường biển, đặc biệt ở mép nước xung quanh đảo bị ô nhiễm nặng, ảnh hưởng đến sức khỏe, sinh hoạt và hoạt động tuần tra, bảo vệ biển đảo của bộ đội hay cuộc sống của người dân, khách du lịch.

Mục tiêu của đề tài nhằm phát triển các mô hình và giải pháp kỹ thuật vệ sinh phù hợp, theo hướng sinh thái, khép kín, cho phép xử lý tổng hợp chất thải nhà tiêu, nước thải sinh hoạt và chất thải rắn hữu cơ cho các đơn vị bộ đội, cụm gia đình sống trong môi trường hải đảo; kiểm soát hiệu quả ô nhiễm do chất thải sinh hoạt, thu hồi được các chất cần thiết để tái sử dụng trong trồng trọt và chăn nuôi, góp phần bảo vệ sức khỏe và cải thiện điều kiện sinh hoạt, chiến đấu cho bộ đội và cộng đồng cư dân, bảo vệ môi trường, bảo vệ chủ quyền biển đảo.

Để thực hiện đề tài, nhóm nghiên cứu đã tiến

hành điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải, xác định nhu cầu quản lý chất thải, mối liên hệ với cấp nước, nhu cầu nước tưới và chất dinh dưỡng cho trồng trọt và chăn nuôi ở một số hải đảo tiêu biểu cho các vùng miền Việt Nam; đồng thời nghiên cứu, phát triển các mô hình nhà tiêu kiểu mô đun, thu gom, xử lý nước mưa, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn, phù hợp môi trường biển, đảo và triển khai thử nghiệm lắp đặt, đánh giá, hoàn thiện công nghệ ngoài hiện trường cho một số gia đình và đơn vị bộ đội ở các đảo: Cát Bà (Hải Phòng), Cô Tô, Vĩnh Thực (Quảng Ninh).

Do điều kiện thường khan hiếm nước trên các hải đảo cũng như nhu cầu sử dụng chất dinh dưỡng trong trồng trọt, nhóm nghiên cứu đã đề xuất mô hình Nhà tiêu khô ủ phân, chế tạo sẵn kiểu mô đun để xử lý chất thải nhà tiêu. Chất thải nhà tiêu được ủ compost để làm phân bón. Nước tiểu có thể trộn lẫn với nước biển, ở điều kiện độ pH = 8 để tạo thành chất kết tủa (struvite) làm phân bón Magnesium ammonium phosphate hydrate (MAP).

Mô hình bể tự hoại chế tạo sẵn bằng composite được nhóm nghiên cứu đề xuất áp dụng ở cả những nơi sử dụng nước ngọt và nước mặn để dội nhà tiêu. Trong đó, đối với những nơi dùng nước mặn dội nhà tiêu cần sử dụng chế phẩm vi sinh (chế phẩm vi sinh này đã được nhóm nghiên cứu phát triển và thử nghiệm thành công).

Bên cạnh đó, nhóm nghiên cứu đã triển khai 2 mô hình bể xử lý nước thải sinh hoạt chế tạo sẵn kiểu mô đun: Mô hình lọc kỵ khí kết hợp lọc hiếu khí, với giá thể vi sinh bằng đá xốp hay nhựa rỗng và mô hình bể tự hoại cải tiến với vách ngăn mỏng và ngăn lọc kỵ khí BASTAT kết hợp với bể xử lý hiếu khí AT (Mô hình BASTAFAT).

Mô hình cụm bể xử lý nước thải chế tạo sẵn



Vụ trưởng Vũ Ngọc Anh - Chủ tịch Hội đồng kết luận cuộc họp

bằng composite BASTAFAT, công suất 1-5 m<sup>3</sup>/ngày, bao gồm bể tự hoại cải tiến với vách ngăn mỏng và ngăn lọc kỵ khí BASTAT kết hợp với bể xử lý hiếu khí AT, có ưu điểm là đạt hiệu suất xử lý cao đối với cả chất hữu cơ, cặn lơ lửng, N, P, vi sinh vật gây bệnh... cho phép xả nước thải sau xử lý ra môi trường hoặc tái sử dụng lại. Trong khi đó, thiết bị ủ phân vi sinh kiểu trống quay cho phép xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt hữu cơ, chất thải nhà tiêu, chất thải chuồng trại chăn nuôi làm phân compost có bổ sung chất độn và chế phẩm vi sinh.

Nước được cấp lên ngăn hiếu khí AT chứa các đầu phân phối và lớp vật liệu lọc hiếu khí bằng bơm, hoạt động bằng 2 nguồn điện: Điện pin mặt trời và điện lưới, có kiểm soát online thông qua điện thoại thông minh. Tùy theo yêu cầu, hệ thống được thiết kế với ngăn khử trùng bằng viên Clo hay đèn chiếu tia cực tím (UV). Chế độ làm việc của hệ thống được kiểm soát tự động theo thời gian hay theo mực nước bằng bộ điều khiển PLC.

Mô hình này có thể được áp dụng để xử lý nước thải sinh hoạt từ các hộ gia đình, nhóm hộ, các công trình công cộng, các cơ sở du lịch, dịch vụ, các đơn vị bộ đội... Nước thải sau xử lý đạt mức A, QCVN 40:2011/BTNMN về nước thải công nghiệp và QCVN 14:2008/BTNMT về nước thải sinh hoạt trong các hệ thống phân

tán. Hệ BASTAFAT sử dụng nguồn điện chính là tấm pin mặt trời IREX Poly 260Wp, bộ sạc năng lượng mặt trời MPPT SNRE 30A, Inverter 1000VA Sine để cấp điện cho Bơm nước thải chìm 0.33HP. Hệ thống này sử dụng Bộ giám sát và thu thập dữ liệu từ xa Belink V2, thu thập dữ liệu gửi về server. Tủ điện được lắp đồng hồ MFM 383AC đo các thông số tức thời của tải khi máy bơm hoạt động. Các bơm được lắp khởi động từ, bộ rơ le cài đặt thời gian. Bơm có thể hoạt động bằng nguồn pin mặt trời hay điện lưới, ở chế độ tự động hay bằng tay.

Thực hiện các nhiệm vụ theo Hợp đồng, nhóm nghiên cứu đã triển khai và bàn giao, đưa vào sử dụng thành công 2 nhà tiêu dột bằng nước biển, 3 nhà tiêu khô sinh thái, 3 mô hình xử lý nước thải sinh hoạt, 2 mô hình ủ phân compost, 1 mô hình thu gom, xử lý, sử dụng nước mưa cho các đơn vị bộ đội và các hộ dân tại đảo Cát Bà, Vĩnh Thực, Cô Tô. Các công trình bể nước, nhà tiêu, công trình xử lý nước thải và chất thải rắn được nghiên cứu xây dựng theo hướng chế tạo sẵn, bằng vật liệu composite có độ bền cao, chịu được môi trường nước mặn, có kết cấu gọn nhẹ và chắc chắn, có thể tháo lắp để dễ vận chuyển bằng đường biển hay đường hàng không, di chuyển và lắp đặt trên đảo và vùng ven biển.

Tại cuộc họp, sau khi tổng hợp các ý kiến nhận xét, góp ý của các chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng, Vụ trưởng Vũ Ngọc Anh - Chủ tịch Hội đồng đánh giá cao sự cố gắng, nghiêm túc của nhóm nghiên cứu trường Đại học Xây dựng trong quá trình thực hiện đề tài. Các sản phẩm đề tài đầy đủ về số lượng theo yêu cầu của Hợp đồng và đảm bảo chất lượng. Trong đó, Báo cáo tổng kết đề tài đạt chất lượng tốt, có ý nghĩa khoa học lẫn giá trị thực tiễn; các sản phẩm, giải pháp kỹ thuật được nghiên cứu, hoàn thiện đảm bảo chất lượng và có tính khả thi cao, giải quyết trọn gói các vấn đề về vệ sinh môi trường, phù hợp với các hải đảo.

Vụ trưởng Vũ Ngọc Anh đề nghị nhóm nghiên cứu xem xét, tiếp thu đầy đủ ý kiến góp ý của Hội đồng đồng thời chú ý rà soát biên tập, chỉnh sửa lỗi đánh máy, lỗi chế bản, sớm hoàn thiện Báo cáo tổng kết và các sản phẩm đề tài, trình lãnh đạo Bộ Xây dựng xem xét, quyết định.

Hội đồng Tư vấn Bộ Xây dựng nhất trí bỏ phiếu nghiệm thu Đề tài “Nghiên cứu đề xuất giải pháp xử lý chất thải nhà tiêu, nước thải sinh hoạt và chất thải rắn theo hướng vệ sinh sinh thái, khép kín, phù hợp với vùng hải đảo”, với kết quả đạt loại Xuất sắc.

Trần Đình Hà

## Tình hình ứng dụng công nghệ và vật liệu xây dựng mới trong lĩnh vực công nghệ xây dựng ở Việt Nam hiện nay

Đối với ngành Xây dựng, khoa học và công nghệ đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất, đặc biệt góp phần rút ngắn tiến độ, nâng cao chất lượng và giảm giá thành công trình. Trong đó các công nghệ và vật liệu xây dựng mới được ứng dụng, thay thế cho các vật liệu, công nghệ và phương thức thi công truyền thống đã và đang từng bước mang lại hiệu quả.

Ứng dụng kết cấu thép và bê tông cốt thép lắp ghép nâng cao mức độ công nghiệp hóa trong xây dựng nhà nhằm phục vụ Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia và chương trình xây dựng nhà ở xã hội

Hiện nay trên thị trường xây dựng, các công trình chủ yếu sử dụng kết cấu sàn bê tông cốt thép có dầm. Công nghệ mà thị trường xây dựng nói chung, thị trường nhà ở xã hội nói riêng

ở Việt Nam đang ứng dụng là các công nghệ cũ, có những công nghệ được phát triển từ hơn 7 thập kỷ trước. Một số công nghệ như sàn dự ứng lực, đã có ở châu Âu từ rất lâu và không phải là không có nhược điểm. Do sử dụng cốt pha đổ bê tông tại chỗ nên thi công mất thời gian, chi phí công nhân công cao, chi phí bê tông cốt thép chiếm tỉ trọng tương đối lớn trong công trình. Các loại sàn bê tông cốt thép này có trọng lượng nặng dẫn tới cột móng nặng nề.

Do ứng dụng những công nghệ cũ, phương pháp thi công lạc hậu nên chi phí xây dựng công trình cao. Nhiều chủ đầu tư chưa tìm được công nghệ tốt hơn nên giá nhà ở xã hội hiện vẫn ở mức cao và công nghệ xây dựng mới là nhu cầu cấp thiết của thị trường.

Hiện nay, tại Việt Nam đã xuất hiện những công nghệ thi công mới, như sử dụng bê tông dự ứng lực, sàn Bubbledeck, tấm 3D.. và mới đây nhất là giải pháp tường bê tông chịu lực đúc sẵn theo công nghệ của Australia (hay còn gọi là công nghệ precast panels).

Precast panels là tường bê tông chịu lực đúc sẵn, còn gọi là tường bê tông tấm lớn. Hệ kết cấu chỉ bao gồm chủ yếu hai loại precast panels và sàn bê tông dự ứng lực. Do sử dụng precast panels, mặt hoàn thiện bên ngoài bền vững với thời gian trong môi trường khắc nghiệt của Việt Nam. Điều này làm mất đi thành kiến của các công trình nhà ở xã hội, nhà thu nhập thấp là tường dễ bị nứt, sơn bị bong tróc sau một thời gian rất ngắn khi đưa vào sử dụng.

Ngoài lợi thế tiết kiệm chi phí và thời gian thi công phần thô, sử dụng precast panels còn có khả năng tiết kiệm thời gian do có thể hoàn thiện từ dưới lên trên. Điều này không chỉ giúp đẩy nhanh tiến độ thi công 30 - 40%, tiết kiệm ít nhất 15% chi phí, mà còn chống thấm rất cao và cách âm tốt. Hơn nữa, việc thi công từ bên trong không cần lắp dàn giáo bên ngoài giúp giảm chi phí và hạn chế tai nạn lao động và giải pháp này có thể thi công hệ khung và hoàn thiện theo dạng cuốn chiếu thay vì nối tiếp như

hiện nay.

## **Làm chủ công nghệ xây dựng các công trình ven biển và ngoài khơi**

Hiện nay, việc thi công các công trình quốc phòng, nhà ở của bộ đội tại các vùng ven biển và hải đảo chủ yếu được thi công bằng phương pháp thủ công, khâu vận chuyển nguyên, vật liệu, vật tư, thiết bị gặp nhiều khó khăn; thiếu phương tiện thi công, chi phí bảo dưỡng, sửa chữa cao, công trình xây dựng nhanh xuống cấp. Chính vì vậy việc nghiên cứu tiếp thu làm chủ công nghệ xây dựng các công trình ven biển và ngoài khơi cần được nghiên cứu, tìm hiểu, để xuất giải pháp để triển khai các ứng dụng mới về công nghệ, vật liệu trong việc thi công các công trình quốc phòng, nhất là ở khu vực hải đảo bước đầu ứng dụng có hiệu quả như:

**Tấm Iris Koto:** Có cấu tạo gồm lớp cách nhiệt bọt polymer, bên ngoài là vật liệu cốt sợi được sản xuất từ nguyên liệu: vật liệu sinh khối & tái tạo (đay, tre ...), phế thải nông nghiệp (bã mía, ngô, rơm, giấy thải ...) hoặc hạt xốp PE, vữa, cốt liệu siêu mịn, lưới sợi thủy tinh cùng với phụ gia liên kết, chống cháy. Tấm có kích thước chiều dài từ 1,2m - 1,8m; cao từ: 0,9m - 3m; dày: 20cm; trọng lượng 1 tấm từ 17 kg - 70 kg.

Ưu điểm của tấm này (có thể dùng làm tường, trần nhà, mái nhà hoặc các kết cấu chịu lực) là có khả năng cách âm, cách nhiệt, chống cháy. Sử dụng đồng bộ vật liệu, tiết kiệm chi phí, không cần ván khuôn. Công trình ổn định, có khả năng chống bão cấp 17 và động đất 7,5 độ richer. Vật liệu nhẹ, thi công thủ công, dễ thao tác, lắp đặt các thiết bị. Chi phí so với phương pháp truyền thống: Nếu xây công trình thấp, 1 tầng, giá khoảng 2,2 - 2,7 triệu/m<sup>2</sup>. Đối với nhà trên 2 tầng: 3 - 3,3 triệu/m<sup>2</sup>, thấp hơn so với xây nhà truyền thống (6 - 7 triệu/m<sup>2</sup>).

**Gạch nôi:** Được làm từ loại vật liệu phế phẩm như: Lõi ngô, thân cây ngô, rơm, bã mía, xơ dừa, trấu hoặc các loại mùn cưa, gỗ vụn, xi măng... và yếu tố quan trọng nhất là chất tạo bọt làm từ da động vật, nhựa cây và một số



chất tạo bọt khác có sẵn trong tự nhiên.

Hiện trên thị trường trong nước đã có bán các loại gạch này, với những kích thước chủ yếu là: 100 x 200 x 400; 150 x 200 x 400; 200 x 200 x 400; 200 x 300 x 400; 200 x 400 x 400; 200 x 600 x 400. Ứng dụng trong kết cấu tường bao, tường chịu lực, dùng để thay thế cho bê tông. Gạch nổi có ưu điểm là có khả năng cách âm, cách nhiệt, chống cháy. Khi thi công tại chỗ cần ván khuôn nhưng giảm chi phí hoàn thiện do không cần tô trát. Đây là loại vật liệu nhẹ (trọng lượng giảm 30 - 35 % so với vật liệu truyền thống), thi công thủ công, dễ thao tác, lắp đặt; sử dụng vật liệu địa phương, dây chuyền gọn nhẹ. So với phương pháp truyền thống, chênh lệch chi phí tương đối lớn; giá xây dựng bằng gạch nổi 1 triệu/m<sup>3</sup>, khi xây dựng công trình 1 - 2 tầng, so với gạch đỏ, chi phí giảm 10 -15 %.

**Gạch bê tông nhẹ:** Nguyên liệu giống với gạch nổi, ứng dụng trong xây dựng tường bao, thay thế cho bê tông, có ưu điểm là cách âm, cách nhiệt và chống cháy tốt.

**Bê tông nước mặn:** Tương tự bê tông thông thường tuy nhiên sử dụng thêm chất phụ gia chống xâm thực của nước biển. Ứng dụng để thay thế vật liệu bê tông thông thường. Có ưu điểm là sử dụng vật liệu tại chỗ (nước biển, cát, san hô ...); khả năng chống xâm thực, ăn mòn tốt. So với phương pháp truyền thống, chi phí so với công nghệ bê tông xi măng truyền thống có cùng tính năng chịu lực, công nghệ Miclayco chỉ cần vật tư bằng 80 - 85%. Chi phí sản xuất bê tông nước mặn là 1,1 -1,3 triệu/m<sup>3</sup> so với bê tông thường chế tạo ngoài đảo tiết kiệm được khoảng 50%. Qua thực tế xây dựng công trình kè biển ở huyện Cần Giờ, hơn 5 năm qua, công trình dù chịu tác động của sóng, gió, bão, nước triều... nhưng vẫn ổn định; bê tông không bị ăn mòn và xâm thực. Khi khoan sâu 20 cm thấy phần mặt cốt thép trong bê tông vẫn sáng xanh và bê tông thân kè vẫn tốt. Sản phẩm bê tông nước mặn này do Công ty Thạch Anh sản xuất hiện đã chuyển giao công nghệ cho Quân

chủng Hải quân để ứng dụng xây dựng các công trình biển đảo.

**Tấm 3D:** Cấu kiện tấm 3D ở Việt Nam hiện tại có cấu trúc gồm 2 lớp mặt ngoài của Panel là 2 lớp bê tông lưới thép (lớp cách ở giữa là loại vật liệu xốp, nhẹ, bằng polystyrene đã xử lý chống cháy). Ứng dụng trong kết cấu bao che (tường, trần nhà, mái nhà) và kết cấu chịu lực (móng, cột, tường chịu lực và dầm). Tấm 3D có ưu điểm là vật liệu nhẹ, chịu lực tốt, cách âm, cách nhiệt, chống cháy. Sử dụng đồng bộ vật liệu, tiết kiệm chi phí, không cần ván khuôn. Công trình ổn định có khả năng chống bão cấp 17, động đất 7,5 độ Richer. Thi công thủ công, nhanh chóng, dễ thao tác, lắp đặt các thiết bị. So với phương pháp truyền thống: 1m<sup>2</sup> sàn vật liệu 3D có giá khoảng 700 - 800 ngàn đồng; 1m<sup>2</sup> tường khoảng 500 ngàn đồng. Nếu tính 1m<sup>2</sup> mặt bằng thì tùy theo thiết kế của căn nhà, giá từ 2,6 - 2,7 triệu đồng/m<sup>2</sup>. Nhà cấp 4 khoảng 2,3 triệu đồng/m<sup>2</sup>, nhà liền kề giá khoảng 1,7 - 1,8 triệu đồng/m<sup>2</sup> tùy theo độ cao. Nhà càng phức tạp, đơn giá xây dựng càng cao. Hiện nay, tấm này đã có bán rộng rãi trên thị trường cả nước.

Các vật liệu mới trên hiện đều có chung nhược điểm đó là do mới nghiên cứu, sản xuất nên hiện chưa có kiểm chứng thực tế về tuổi thọ, khả năng chống ăn mòn trên môi trường biển đảo. Có sản phẩm như tấm Iris Koto hiện chưa có dây chuyền sản xuất tại Việt Nam, phải nhập từ nước ngoài. Bê tông mặn dù đã sản xuất tại Việt Nam nhưng hiện vẫn chưa sản xuất đại trà.

Năm 2015, Viện Khoa học công nghệ (Bộ Xây dựng) đã phối hợp với đối tác sản xuất bê tông dự ứng lực, bước đầu nghiên cứu triển khai ứng dụng công nghệ nhà lắp ghép bằng tấm bê tông dự ứng lực khi xây dựng các hạng mục nhà ở bộ đội trên một số đảo thuộc Quần đảo Trường Sa.

Do thiết kế trong nhà máy nên chất lượng của các cấu kiện nhà lắp ghép được đảm bảo



theo yêu cầu kỹ thuật, có thể dễ dàng điều chỉnh theo các hình dạng phức tạp. Bê tông sử dụng để chế tạo các cấu kiện đúc sẵn là bê tông mác cao nên có khả năng chịu mẫn, chịu mài mòn tốt, có khả năng cách âm, cách nhiệt, kiểm soát độ ẩm. So với phương pháp truyền thống, việc sử dụng các cấu kiện bê tông đúc sẵn giảm đáng kể vật liệu xây dựng không cần thiết và phế thải xây dựng. Ngoài ra, áp dụng giải pháp mới sẽ giảm được chi phí và tiết kiệm được thời gian xây dựng so với phương pháp truyền thống.

### **Làm chủ công nghệ xây dựng trên nền đất yếu, địa hình và địa chất phức tạp**

Đối với phần thi công nền móng, mục tiêu là làm thế nào để tải trọng tĩnh, tải trọng tác động vào móng là nhỏ nhất, thông thường tĩnh tải chiếm tới 70% tải trọng tác động vào móng. Xu thế hiện nay là tại các vùng có nền đất yếu lớn, lớp chịu lực sâu như khu vực đồng bằng sông Cửu Long, một số vị trí lưu vực sông Hồng và một số vị trí lưu vực sông, cửa biển khác chiều dày đất yếu lớn phải thiết kế cọc có chiều dài lớn cần xem xét để áp dụng công nghệ và vật liệu mới giảm số lượng cọc. Tương tự tại các vùng có hệ số động đất lớn việc giảm trọng lượng kết cấu phần trên sẽ làm giảm chi phí cho móng cọc nhiều.

Trong lĩnh vực công nghệ gia cố nền đất yếu, các nhà thầu Việt Nam có đủ năng lực thực hiện xử lý nền bằng phương pháp gia tải truyền thống (FECON, GeoVietnam), công nghệ hút chân không hiện nay các nhà thầu Việt Nam gần như chiếm lĩnh thị trường. Các công nghệ gia cố nền đất khác (cọc xi măng đất, cọc cát...) các nhà thầu trong nước cũng đã làm chủ. Phương pháp gia cố nền đất yếu Top - Base (móng phễu): một giải pháp xử lý nền đất yếu làm tăng khả năng tiếp nhận tải trọng của đất nền để làm giảm độ lún của đất nền và thời gian cố kết của đất. Phương pháp móng Top - Base được ứng dụng ở Nhật và Hàn Quốc cho hàng trăm công trình; trong đó có nhiều

công trình cao đến 30 tầng mà không cần dùng cọc. Hiện nay, công nghệ này đã triển khai ở Việt Nam từ năm 2008 đến nay và đã có trên 30 công trình ở Hà Nội, Hải Phòng, Hưng Yên, Thanh Hóa, Quảng Ninh, TP. Hồ Chí Minh... ứng dụng công nghệ này đạt hiệu quả rất tốt. Ưu điểm của Top - Base là thời gian thi công giảm còn 30%, giá thành giảm 50% so với ép cọc và không ảnh hưởng đến công trình xung quanh. Một số công trình đã ứng dụng thành công công nghệ nền móng Top - Base tại Việt Nam như: Khu du lịch đảo Hòn Dấu – Đồ Sơn - Hải Phòng, Nhà ga du thuyền - Tuần Châu - Quảng Ninh, Trường quốc tế Thăng Long, tòa nhà South Building - TP. Hồ Chí Minh và một số công trình, dự án trọng điểm khác...

Đã có rất nhiều công trình nhà cao tầng thành công trong việc sử dụng phương án kết hợp Top-base và Cọc, có thể kể đến như: Khách sạn 25 tầng Ocean View Manor (Bà Rịa - Vũng Tàu), Tổ hợp chung cư cao tầng Cẩm Bình (Cẩm phả – Quảng Ninh), Khách sạn 5 sao An Thịnh (Hòa Bình), Chung cư Techco Miền Trung (Vinh), Tòa nhà Constrexim (Hà Nội) ...

Công tác quan trắc kiểm tra kiểm soát gia cố nền đất yếu cũng được nhà thầu trong nước chú trọng đầu tư thiết bị máy móc, nâng cao trình độ cho các kỹ sư và cán bộ kỹ thuật.

Ngoài các công nghệ thi công phổ biến, các công ty nước ngoài (Nhật Bản, Hàn Quốc...) đang giới thiệu và áp dụng tại Việt Nam các công nghệ thi công đặc biệt như: túi 3D box, cọc vít ATT, công nghệ cọc bê tông ứng suất trước khoan thả, cọc PCC, cọc thép, cừ nhựa, trộn khối xi măng đất, trộn phụ gia gốc nano để gia cường bề mặt... Các công nghệ này được nhà thầu nước ngoài trực tiếp thi công và từng bước chuyển giao lại cho nhà thầu trong nước làm chủ công nghệ và ngày càng được áp dụng rộng rãi.

Cùng với sự phổ biến của bê tông mác cao B45, B50, thiết bị thi công công suất lớn, độ chính xác cao, các nhà thầu thi công hiện nay

đã thi công được cọc Barrete - chiều dày đến 1,2 m, cọc đường kính lớn đến 2,0 m, chiều sâu khoan 70m, sức chịu tải cọc và tường > 2.200 tấn/dầu cọc (tường). Việc tăng cường khả năng chịu tải cọc khoan nhồi mà không làm tăng chiều sâu cọc đang được tính toán và nghiên cứu nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế. Nhằm tăng sức chịu tải cọc khoan nhồi một số nghiên cứu mới được áp dụng như sử dụng biện pháp phụt vữa thân cọc và mũi cọc tại dự án Eximbank (Hồ Chí Minh).

Việc nắm chắc công nghệ thi công cọc khoan nhồi và tường barrete chịu tải trọng lớn (bê tông cường độ cao, thiết bị thi công đặc chủng) cho phép giảm số lượng cọc, giảm giá thành của công trình.

Thiết kế và thi công, quan trắc hố đào khi xây dựng phần ngầm của nhà cao tầng (đến 5 tầng ngầm) đã được nhiều nhà thầu thực hiện thành công. Các nhà thầu bước đầu áp dụng thành công công nghệ thi công TOPDOWN, trong đó sử dụng hệ Kingpost bằng thép (công trình Metropolist Liễu Giai - nhà thầu Coteccons), cọc- cột (công trình tại 69B Thụy Khuê - nhà thầu Cty CP Tập đoàn xây dựng Hòa Bình) để chống đỡ cho khối nhà cao tầng khi thi công đồng thời cả tầng hầm và tầng nổi của công trình.

Tiếp thu công nghệ xây dựng các công trình công nghiệp có quy mô lớn và phức tạp công trình ngầm đô thị dạng tuyến và dạng điểm sâu đến 30 m

Các công trình thi công tuyến Metro số 1: Bến Thành (Q.1) - Suối Tiên (Q.9), tuyến Metro số 2: Thủ Thiêm (Q.2) - Bến xe Tây Ninh (Q.12) đang được tiến hành thi công nhanh nhờ áp dụng các công nghệ thi công mới và hiện đại, thông qua công trình các nhà thầu Việt Nam bước đầu nắm bắt và làm chủ quy trình, công nghệ quan trắc tự động và bán tự động bao gồm: quan trắc tự động, quan trắc lún và nghiêng công trình lân cận... , tham gia vào công tác tư vấn, đánh giá và xử lý số liệu trong

quá trình thi công.

Hệ thống hầm đường bộ đã áp dụng thành công công nghệ thiết kế, thi công NATM. Các công trình hầm đường sắt giao thông đô thị hiện nay đã và sẽ sử dụng các công nghệ đào hầm mới như TBM, công nghệ xử lý jet- grouting. Công nghệ thi công phun phụt vữa cao áp xử lý đất nền được ứng dụng vào những công trình đào sâu và có nền đất yếu nhằm ngăn chặn sự lệch vị trí của tường chắn đất và ổn định cho các công trình khi thi công đào tầng hầm, bảo vệ kết cấu lân cận, chống thấm.

Sử dụng rộng rãi vật liệu có tính năng cao (bê tông cường độ cao, thép, kết cấu hỗn hợp) trong xây dựng nhà cao trên 40 tầng, các công trình có khẩu độ lớn trên 120 m

Các đơn vị lớn của Việt Nam đã có thể đảm nhận toàn bộ các khâu từ thiết kế, quản lý dự án, thi công và kiểm tra chất lượng thi công các tòa nhà đến 55 tầng (Hà Nội Landmark 51 – dự án Vinafor Hà Đông, nhà thầu UDIC thi công). Trình độ quản lý dự án, thiết kế và thi công của các Nhà thầu Việt Nam đối với nhà cao đến 50 tầng tương đương trình độ khu vực.

Một số công trình cao đến 81 tầng (Landmark 81 - dự án Vinhomes Central Park - nhà thầu Coteccons thi công) các nhà thầu trong nước tham gia của trong các hạng mục thi công, quan trắc kiểm soát chất lượng công trình.

Để đáp ứng nhu cầu xây dựng nhà cao tầng, một số công nghệ như cốp pha trượt vách cứng, sàn ứng lực trước bán lắp ghép (Vinaconex đã áp dụng cho nhà đến 34 tầng), tổ hợp dàn giáo, cốp pha nhôm định hình tổ hợp linh hoạt của các nhà thầu nước ngoài được giới thiệu và áp dụng rộng rãi, công nghệ thi công đổ bê tông đồng thời cột vách dầm... đã được đầu tư và áp dụng.

Quá trình phát triển công nghệ xây dựng nhà siêu cao tầng sử dụng bê tông toàn khối làm vật liệu cơ bản cho khung chịu lực đã bước đầu tích lũy được nhiều kinh nghiệm và đạt được những thành tựu to lớn. Nền tảng của xây dựng nhà siêu cao tầng bao gồm tổ hợp các

giải pháp công nghệ và tổ chức hướng đến tối ưu hóa tiến độ thi công, giảm công lao động trực tiếp và đảm bảo chất lượng cấu kiện, công trình ở mức cao nhất theo thiết kế. Các dự án đầu tư xây dựng công trình nhà siêu cao tầng ở Việt Nam hiện nay và trong tương lai gần ngày càng nhiều và đó là xu hướng phát triển tất yếu của ngành xây dựng trong bối cảnh hội nhập, toàn cầu hóa.

Với mục tiêu giảm chi phí vật liệu và giảm chi phí đầu tư, nhiều giải pháp chế tạo sàn nhẹ đã được thiết kế và đưa vào ứng dụng. Điển hình của các giải pháp này là Công nghệ sàn rỗng C - Deck. Công nghệ này là công nghệ có thành phần cơ bản là lưới thép hàn lớp trên, lưới thép hàn lớp dưới và ở giữa là các quả bóng rỗng bằng nhựa tái chế. Đây là sản phẩm bán lắp ghép, thể hiện các tính năng vượt trội như: khả năng thi công nhanh và không cần ván khuôn, cách âm, cách nhiệt và đặc biệt là thân thiện với môi trường. Đặc điểm nổi bật của sàn C - deck là: sàn nhẹ, chịu lực 2 phương, có thể xây tường ngăn tại mọi vị trí; sàn không dầm, tiết kiệm được chiều cao công trình; giảm trọng lượng bản thân sàn và cột từ 35 - 50%, từ đó giảm kích thước cột và móng; giảm cốt thép sàn từ 5 - 10%, bê tông nóng giảm 6 - 10%; giảm số lượng cột 40%, linh hoạt trong thiết kế, thích hợp mọi mặt bằng; giảm thời gian thi công 35%; giảm chi phí xây dựng, thân thiện với môi trường do sử dụng các vật liệu tái chế trong sản xuất và thi công. Với những tiến bộ trên, công nghệ sàn bóng C - Deck đã được

cấp chứng nhận đạt Tiêu chuẩn châu Âu và đạt giải Bạc chất lượng quốc gia năm 2009 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Việc tiết kiệm chi phí cũng như giảm bớt nhân lực và đảm bảo tiến độ, chất lượng công trình là một trong những khâu quan trọng và tiên quyết để có một công trình hoàn chỉnh. Ngày nay việc đưa vào áp dụng những công nghệ mới trong xây dựng ở Việt Nam đang được quan tâm phát triển. Công nghệ sàn rỗng C - Deck là một sản phẩm công nghệ trong xây dựng tại Việt Nam đã được ứng dụng thành công trong nhiều công trình, dự án lớn với ưu điểm giá thành rẻ, thời gian thi công nhanh gấp 2 lần so với phương pháp thông thường, trung bình đạt 1000 m<sup>2</sup>/7 ngày trong điều kiện thi công tốt và được các nhà thầu đánh giá là dễ thi công. Khả năng vượt nhịp lớn đó là khoảng cách giữa hai cột lớn nhất hiện nay là 21 m tại công trình Giảng đường chùa Lâm - Thiền viện Trúc lâm Yên Tử - Quảng Ninh đã được thiết kế và thi công.

Ngoài các giải pháp công nghệ trên, còn có những công nghệ mới khác đã được phát triển và áp dụng trong thực tế như công nghệ sàn rỗng BubbleDeck, sản bê tông nhẹ Uboot, hệ sàn đệm xốp đỡ tại chỗ hoặc đúc sẵn trong nhà máy.

**Ninh Hoàng Hạnh**

*(Nguồn: Viện Khoa học công nghệ xây dựng, Bộ Xây dựng)*

## **Nâng cao chất lượng của vật liệu xây và cấu kiện xây không nung ở Việt Nam**

Những năm qua, vật liệu xây không nung (VLXKN) nói chung và gạch bê tông, block bê tông nhẹ nói riêng nói riêng phát triển mạnh ở Việt Nam đã tạo điều kiện tốt cho chương trình định hướng thay thế dần việc sản xuất gạch đất sét nung gây ô nhiễm môi trường và tổn diện

tích đất nông nghiệp. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm mang lại, vẫn còn một số tồn tại lớn về chất lượng sản phẩm và kết cấu khối xây từ VLXKN như: Tính ổn định chất lượng chưa cao xét trong từng dây chuyền, nhà máy cũng như giữa các cơ sở sản xuất khác nhau, nhiều

kết cấu xây trên các công trình trên mọi miền đất nước vẫn bị nứt, thấm...

Do đó, theo PGS.TS Nguyễn Duy Hiếu, Khoa Xây dựng, trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, việc nghiên cứu, phân tích, đánh giá và tổng hợp các yếu tố tác động gây ra sự cố, từ đó đề xuất và thực hiện các biện pháp kỹ thuật, công nghệ và quản trị trong sản xuất và thi công kết cấu VLXKN, phù hợp với điều kiện khí hậu địa phương là đặc biệt cần thiết.

### **Xi măng và phụ gia khoáng**

PGS.TS Nguyễn Duy Hiếu cho biết, cấu trúc và tính chất của VLXKN chịu ảnh hưởng lớn bởi thành phần và cấu trúc của các pha cơ bản trong nó: đá chất kết dính; cốt liệu và lỗ rỗng. Cấu tạo vi mô và vĩ mô của các pha này sẽ quyết định tính chất cơ lý, nhiệt, ẩm và ứng xử của vật liệu với môi trường.

Đặc tính chung của các sản phẩm dùng xi măng là cấu trúc và tính chất của nó phát triển theo thời gian, trong đó biến dạng thể tích là đặc trưng quan trọng. Khi tiếp xúc với nước, xi măng sẽ hydrat và tạo nhiều sản phẩm mới dạng tinh thể và gel có khối lượng riêng lớn hơn khối lượng riêng của các khoáng ban đầu, do đó luôn xảy ra co thể tích của hệ. Hiện tượng này gọi là co hóa học (Chemical Shrinkage - CS). Co hóa học bị cản trở một phần bởi các hạt rắn và hình thành hệ lỗ rỗng gel xốp mịn. Tiếp đến là quá trình chuyển dịch ẩm từ các mao quản vào hệ lỗ rỗng gel xốp mịn đó (sự tự khô) và dưới tác dụng của lực hút mao quản gây ra hiện tượng co tự sinh hay co tự khô (Autogenous Shrinkage - AS). Như vậy CS và AS là hai quá trình đồng thời, trong đó AS bao gồm một phần CS.

Trong quá trình rắn chắc và làm việc có sự trao đổi ẩm giữa VLXKN và môi trường xung quanh và co hay nở thể tích tùy theo sản phẩm mất ẩm hay nhận ẩm, tuy nhiên độ nở khi vật liệu hút ẩm thường nhỏ hơn nhiều so với độ co do mất ẩm (co khô) (Dry Shrinkage - DS). Trị số co khô của VLXKN phụ thuộc cấp phối, mô

đun hử của nó và điều kiện môi trường.

Ngoài CS, AS và DS sản phẩm VLXKN còn bị co ngót bởi quá trình các bộ nát hóa giữa  $\text{CO}_2$  của không khí với  $\text{Ca(OH)}_2$  (Portlandite) trong đá xi măng; sự trao đổi nhiệt với môi trường (bức xạ mặt trời) cũng gây co nở chu kỳ cho sản phẩm và kết cấu VLXKN. Co hóa học, co tự sinh, co khô, co các bộ nát và co nở vì nhiệt... là các yếu tố ảnh hưởng lớn đến sự hình thành cấu trúc vi mô và vĩ mô của bê tông nói chung và VLXKN nói riêng, do đó tác động đến tính chất và độ bền của sản phẩm.

Trong kỹ thuật bê tông nói chung và VLXKN nói riêng người ta thường dùng phụ gia khoáng thay thế một phần xi măng. Điều này không chỉ vì mục đích kinh tế mà có thể mục đích kỹ thuật được quan tâm hơn. Thật vậy, khi sử dụng PGK, điển hình là tro bay nhiệt điện, thì lượng dùng xi măng sẽ giảm đáng kể (10-30%), nhờ hiệu ứng “pha loãng” mà độ co của chất kết dính sẽ giảm, tác động bất lợi do cấu trúc phần đá xi măng biến thiên theo thời gian cũng được hạn chế. Tuy nhiên phải tính toán và kiểm tra hàm lượng tối ưu của PGK trong từng trường hợp cụ thể.

VLXKN nhìn chung được tạo hình có áp lực từ hỗn hợp bê tông nghèo xi măng, cứng và kém dẻo, độ co thường không lớn như bê tông thông thường, do đó vấn đề độ co cuối cùng chưa phải là yếu tố quyết định mà vấn đề cần quan tâm là sự co ngót sớm đạt cận biên cực trị và ổn định. Nguyên do của sự quan tâm này một phần lớn là từ nhu cầu xuất xưởng sớm sản phẩm, giải phóng kho bãi và đảm bảo sản lượng. Khi đã đạt cường độ xuất xưởng, VLXKN có thể được đưa vào thi công ngay. Nếu sự co ngót của gạch hay cấu kiện đã đạt đến ổn định thì sự cố nứt tường, nứt kết cấu xây sẽ ít hơn đáng kể so với khi độ co của nó đang tiếp diễn mạnh.

Hiện nay chưa có quy định riêng đối với chất kết dính nói chung và xi măng nói riêng cho sản xuất VLXKN. Trong sản xuất VLXKN vẫn thường dùng các loại xi măng portland hỗn hợp như

PCB30, PCB40. Chúng khác nhau nhau chủ yếu ở hàm lượng clinker, xi măng mác cao có hàm lượng clinker và độ mịn thường lớn hơn xi măng mác thấp. Dùng xi măng mác cao sẽ có lợi ích là giảm lượng xi măng trong một đơn vị sản phẩm, độ co của sản phẩm cũng nhỏ hơn và sớm ổn định hơn. Tuy nhiên, với VLXKN yêu cầu mác thấp, nếu dùng xi măng mác cao sẽ dẫn đến lượng xi măng quá ít trong cấp phối, có thể làm giảm khả năng chống thấm của sản phẩm và tăng tiềm ẩn biến dạng khô ẩm khi kết cấu hút và nhả ẩm... Mặt khác, khi đó hàm lượng cốt liệu trong cấp phối sẽ cao dẫn đến mô đun đàn hồi của VLXKN tăng, và trong mức độ nào đó, ứng suất co ngót có thể lớn hơn, kéo theo dễ xuất hiện nứt sản phẩm với cùng độ co ngót.

Như vậy có thể định hướng sử dụng chất kết dính trong sản xuất VLXKN hướng đến mục tiêu hạn chế nứt sản phẩm và kết cấu như sau: Về tổng thể nên chọn loại xi măng có độ mịn cao, thủy hóa nhanh, kết thúc đông kết ngắn và sớm bão hòa độ co; sử dụng xi măng mác cao (PCB40, PC40) trên cơ sở clinker A-lite, kết hợp sử dụng phụ gia khoáng mịn như tro xỉ nghiền mịn... Kết hợp chọn nguồn cốt liệu từ đá gốc độ cứng hay mô đun đàn hồi trung bình và thấp như đá vôi và một số loại trầm tích khác;

Với VLXKN mác theo cường độ nén thấp (<10 MPa) nên sử dụng xi măng mác thấp (PCB30, xi măng đa cấu tử giàu phụ gia khoáng) chế tạo từ clinker giàu A-lite và C-lite, độ mịn cao.

### **Cốt liệu**

Trong các sản phẩm VLXKN cốt liệu vẫn chiếm tỷ lệ lớn nhất. Vai trò của cốt liệu trong VLXKN cũng tương tự như trong bê tông, tuy nhiên ở mức độ thấp hơn, bởi yêu cầu về tính chất cơ lý của hầu hết VLXKN thấp hơn đáng kể so với bê tông thường. Về yêu cầu kỹ thuật, cốt liệu cho VLXKN cũng chưa có những tiêu chuẩn riêng. Đối với gạch bê tông, block bê tông và tấm tường bê tông nặng, cốt liệu cho chúng được đánh giá theo các tiêu chuẩn về cốt

liệu cho bê tông, ở ta là TCVN 7570 : 2006. Nếu như có những quy định riêng của cốt liệu cho gạch bê tông, tấm tường bê tông... thì sẽ tốt hơn.

Xét theo khía cạnh ổn định chất lượng cho sản phẩm, quan tâm đến giảm thiểu co ngót, hạn chế nứt viên xây và khối xây, có thể luận bàn một số vấn đề sau về cốt liệu cho VLXKN: Đặc thù tạo hình của đa số VLXKN là rung, rung ép và đùn ép từ hỗn hợp kém dẻo, sản phẩm thường có nhiều lỗ rỗng và thành vách, do đó cỡ hạt lớn nhất của cốt liệu thường chỉ đến cận 12,5m; tùy theo công nghệ và đặc tính sản phẩm mà chọn Dmax của cốt liệu phù hợp, theo nguyên tắc Dmax càng lớn, chất lượng cốt liệu càng tốt và độ co ngót của VLXKN cũng giảm.

Hỗn hợp cốt liệu thường là đá mịn (đá mi) phối cùng cát mịn để thỏa mãn thành phần hạt liên tục theo TCVN 7570. Thực ra, với thành phần hạt gián đoạn ở mức độ nào đó sẽ có lợi về độ đặc hơn là cấp phối hạt liên tục, khi đó hệ số dư hồ chất kết dính sẽ thấp hơn hay lượng dùng xi măng sẽ ít hơn, mặc dù tính công tác của hỗn hợp có thể sẽ giảm, nhưng vấn đề đó đã được giải quyết bởi phụ gia và công nghệ lèn chặt có áp lực. Về độ cứng của đá gốc, nếu được lựa chọn, nên sử dụng đá mịn từ đá gốc có độ cứng trung bình và thấp, bởi VLXKN thường là bê tông mác thấp, hơn nữa như đã nói ở mục trên, khi đó mô đun đàn hồi và ứng suất co ngót của sản phẩm sẽ giảm, hạn chế sự xuất hiện nứt của kết cấu xây.

Cốt liệu mịn đá nhập về nhà máy VLXKN không những có chất lượng kém hơn so với cốt liệu bê tông - sản phẩm chính của dây chuyền chế biến cát và đá dăm bê tông, mà còn không ổn định về tính chất khoáng thạch, hình dạng và thành phần hạt, hàm lượng hạt mịn, bụi sét, độ ẩm... do được gom nhập từ nhiều xí nghiệp chế biến đá khác nhau. Hệ quả của sự biến động này kéo theo sự không ổn định chất lượng của VLXKN. Để khắc phục nhược điểm này, trong dây chuyền sản xuất cần bố trí công đoạn



tiền xử lý cốt liệu trong kho đồng nhất, kết hợp tăng mức dự trữ cho sản xuất liên tục.

### **Ảnh hưởng của công tác trộn hỗn hợp**

Trộn đều hỗn hợp trước khi tạo hình là khâu quan trọng trong sản xuất VLXKN bởi các lý do sau: Trong sản xuất VLXKN hiện nay thường dùng hệ đa cấu tử, đó là loại đá dăm hạt nhỏ và/hoặc đá mi, cát, tro bay, xỉ nghiền, xi măng, phụ gia và nước, trong đó lượng dùng xi măng và nước khá thấp. Với đặc tính hỗn hợp như vậy, vấn đề đồng nhất trong quá trình trộn không chỉ phụ thuộc kỹ thuật trộn (quy trình cấp vật liệu, thời gian trộn) mà còn chịu ảnh hưởng của công nghệ trộn.

Hiện nay nhiều nhà máy gạch bê tông đang dùng công nghệ trộn ngang cưỡng bức. Thực ra với hỗn hợp hạt nhỏ, nghèo xi măng như trên, công nghệ trộn đứng cưỡng bức tỏ ra có hiệu quả tốt hơn. Thông số thời gian trộn tối ưu tùy thuộc dung tích thùng trộn và thể tích mẻ trộn. Nguyên lý chung là dung tích máy và thể tích mẻ trộn càng lớn thì thời gian trộn cần thiết càng dài. Mặc dù đã có chỉ dẫn thời gian trộn thích hợp cho từng loại máy và loại hỗn hợp bê tông nhưng nên xác định thông qua thực nghiệm, trên cơ sở xây dựng đường cong phụ thuộc giữa cường độ sản phẩm với thời gian trộn cho từng loại máy và hỗn hợp cụ thể.

Một hỗn hợp được trộn đều sẽ có thành phần đồng nhất, hồ chất kết dính sẽ thủy hóa mạnh hơn, tính công tác của hỗn hợp tốt hơn, dễ lèn chặt hơn, cường độ phát triển nhanh hơn và có thể giảm thời gian bảo dưỡng cần thiết mà chất lượng cuối cùng của sản phẩm vẫn đạt yêu cầu.

### **Ảnh hưởng của công tác bảo dưỡng**

Cũng như đối với bê tông thông thường, bảo dưỡng VLXKN dùng xi măng là công đoạn quan trọng, không thể thiếu. Vai trò của bảo dưỡng được xác định chủ yếu theo yêu cầu về cường độ của sản phẩm trong quá trình sản xuất: Cường độ công nghệ (tháo khuôn, xếp đống); cường độ xuất xưởng; cường độ (mác) thiết kế.

Tùy theo trình độ công nghệ và đặc tính kỹ thuật của VLXKN mà các nhà máy có thể có phương pháp bảo dưỡng khác nhau: bảo dưỡng ẩm tự nhiên; dưỡng hộ nhiệt ẩm. Ở đa số dây chuyền sản xuất gạch bê tông hiện nay chỉ sử dụng phương pháp bảo dưỡng ẩm tự nhiên: Tưới nước cho khiêu gạch hoặc bọc khiêu gạch bằng nilon giữ ẩm. Tuy nhiên cũng có nhà máy áp dụng bảo dưỡng nhiệt ẩm bằng năng lượng mặt trời cho hiệu quả tốt. Đối với dây chuyền hiện đại hơn, sản phẩm đặc thù cần được bảo dưỡng trong thiết bị riêng như autoclave, hầm hay bể dưỡng hộ bằng nước nóng.

Cơ sở khoa học của bảo dưỡng ẩm, dưỡng hộ nhiệt ẩm là sự thủy hóa, đông kết và hình thành cấu trúc vi mô và vĩ mô của đá xi măng và bê tông. Dưỡng hộ nhiệt ẩm ở nhiệt độ cao (50-80°C) giúp sản phẩm đạt cường độ nhanh, có thể xuất xưởng sớm, tuy nhiên chất lượng về lâu dài là không tốt, biến dạng nhiệt ẩm (co nở khô) của sản phẩm và kết cấu xây cũng lớn hơn so với chế độ bảo dưỡng ban đầu ở nhiệt độ thấp. Điều này được giải thích từ cấu trúc “thô” hơn của các sản phẩm hydrate. Bảo dưỡng ẩm ở nhiệt độ thường (<50°C) tỏ ra hiệu quả hơn về kinh tế và kỹ thuật, tuy nhiên cần tuân thủ theo các hướng dẫn kỹ thuật tùy theo điều kiện môi trường và đặc tính sản phẩm. Đối với VLXKN có thể tham khảo tiêu chuẩn TCVN 8828:2011 Bê tông - Yêu cầu bảo dưỡng ẩm tự nhiên, TCVN 9345:2012 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Hướng dẫn kỹ thuật phòng chống nứt dưới tác động của khí hậu nóng ẩm.

Khi điều kiện sản xuất và thi công kết cấu VLXKN không thuận lợi về bảo dưỡng ẩm thông thường (bảo dưỡng từ mặt ngoài sản phẩm) thì có thể áp dụng giải pháp bảo dưỡng từ bên trong (Nội bảo dưỡng) một cách chủ động bằng cách đưa vào cấp phối vật liệu đã bão hòa nước thích hợp như cốt liệu rỗng hay polymer siêu thấm.

Thực tế công tác bảo dưỡng ẩm tự nhiên, có sử dụng và không sử dụng năng lượng mặt trời ở nhiều nhà máy sản xuất VLXKN là chưa đảm

bảo yêu cầu kỹ thuật: Bảo dưỡng ban đầu bắt đầu muộn, thời gian bảo dưỡng cần thiết ngắn hơn yêu cầu; chế độ phun tưới tạo ẩm không đồng đều, chưa có quy trình kiểm tra, kiểm soát để hiệu chỉnh kịp thời; thiếu mặt bằng, kho xưởng chứa bán sản phẩm nên khó bố trí thiết bị bảo dưỡng, khó khống chế tác động bất lợi của thời tiết... Những khó khăn khách quan và chủ quan này dẫn đến chất lượng sản phẩm không tốt, không đồng nhất, xuất xưởng sớm hơn so với quy định. Các sản phẩm VLXKN đưa vào thi công ở các độ tuổi không đồng nhất, trong đó có tuổi sớm hơn quy định, sự biến dạng của viên xây và khối xây vẫn còn phát triển mạnh và không đồng nhất theo từng vị trí trong kết cấu xây và hậu quả nứt viên xây, nứt kết cấu xây là điều khá phổ biến, đặc biệt trong mùa khí hậu khắc nghiệt, mưa nắng luân phiên, biến thiên nhiệt độ và độ ẩm trong ngày lớn...

Để giảm nguy cơ biến dạng nhiệt ẩm gây nứt vật liệu và kết cấu xây không nung, về phương diện bảo dưỡng cần quan tâm từ khâu lựa chọn vật liệu, cấp phối, đảm bảo sự tương hợp giữa thông số bảo dưỡng (nhiệt độ, độ ẩm, thời gian bảo dưỡng cần thiết, cường độ bảo dưỡng tới hạn) với đặc trưng kích thước, hình dạng, mô đun nở của sản phẩm cũng như điều kiện xây lắp và khai thác công trình. Về phương diện thiết kế, cần tính đến tuổi xuất xưởng của sản phẩm VLXKN, độ co khô, biến dạng nhiệt của sản phẩm và kết cấu xây, ứng suất gây nứt... để bố trí khe co giãn hợp lý cũng như

khuyến cáo sử dụng vữa xây trát, các vật liệu gia cường và kỹ thuật thi công phù hợp.

### Kết luận

Để nâng cao và ổn định chất lượng cho kết cấu VLXKN về an toàn chịu tải và không bị nứt, thấm, xuống cấp trong quá trình khai thác công trình, cần quan tâm thực hiện các biện pháp kỹ thuật và quản lý chất lượng từ nguyên vật liệu đầu vào đến quá trình sản xuất sản phẩm và thi công xây lắp trên công trình.

Lựa chọn loại chất kết dính, phụ gia, cốt liệu, cấp phối, công nghệ trộn, tạo hình và chế độ bảo dưỡng; kiểm tra, kiểm soát và quản lý chất lượng sản phẩm trong từng nhà máy sẽ góp phần cung ứng cho thị trường xây lắp những VLXKN đồng nhất và ổn định về tính chất cơ lý, với đầy đủ thông tin kỹ thuật để phục vụ thiết kế và thi công, hướng đến mục tiêu bền lâu cho kết cấu, tránh được các sự cố nứt, thấm, bong tróc, xuống cấp chất lượng các hạng mục hoàn thiện nói riêng và công trình xây dựng nói chung.

VLXKN là “sản phẩm xanh” cho “công trình xanh”. Tuy nhiên nó chỉ thực sự phát huy hiệu quả “xanh” khi chất lượng của từng viên xây và kết cấu xây được đảm bảo trong quá trình thi công và khai thác. Sẽ là thiết thực nếu việc kết hợp giữa nhà nghiên cứu với doanh nghiệp và cơ quan quản lý xây dựng được đẩy đủ hơn các tiêu chuẩn và chỉ dẫn kỹ thuật áp dụng cho lĩnh vực VLXKN trong điều kiện Việt Nam.

Trần Đình Hà

## Những vật liệu xây dựng của tương lai

Gạch từ nhựa tái chế và carbon dioxide, gỗ trong suốt có thể truyền ánh sáng và giữ nhiệt, xi măng phát sáng...chưa phải là danh mục đầy đủ của các vật liệu xây dựng cải tiến đã và đang được các nhà khoa học từ nhiều nước nghiên cứu. Các vật liệu này đều có điểm chung - thân thiện với môi trường, kinh tế và ứng dụng các công nghệ thông minh. Một số ví dụ trong đó như:

### Bê tông dẫn điện

Các kỹ sư của Đại học Viễn Đông LB Nga cùng với các đồng nghiệp từ Đại học Công nghệ và Quản lý quốc gia Đông Siberi mới đây đã nghiên cứu bê tông sợi carbon siêu cường có khả năng dẫn điện. Điều này đã được báo cáo tại cuộc họp báo của Đại học Viễn Đông cuối năm 2019.

Một phần xi măng trong bê tông mới đã

được thay thế bằng tro xỉ thải của ngành sản xuất năng lượng và phế thải từ sản xuất đá granit. Nhờ đó, việc sản xuất bê tông mới kinh tế hơn và thân thiện với môi trường hơn. Để dẫn điện, các hạt nano carbon thông thường được bổ sung vào vữa thay cho những ống nano carbon đắt tiền. Các hạt này là sản phẩm phụ của quy trình chế biến than bằng điện phân trong lò phản ứng plasma theo công nghệ đặc biệt do GS. Sergei Buyantuev của Đại học Đông Siberi nghiên cứu.

Do độ xốp thấp, sẽ có lượng nước và hơi nước ít hơn thấm qua bê tông, và vật liệu mới có tuổi thọ cao hơn. Có thể sử dụng bê tông dẫn điện để sản xuất các bề mặt sưởi ấm đặc biệt (có thể là các tường của gara ô tô, bãi đỗ xe, sàn bê tông và gạch lát vỉa hè). Thậm chí có thể xây dựng các kết cấu tự phục hồi, trong đó bề mặt sẽ đồng thời hoạt động như cảm biến độ ẩm, lửa và các biến dạng, và có thể tránh được các thiệt hại nhờ tác động của điện từ trường.

Trong tương lai, bê tông mới có thể sử dụng làm mặt đường, từ đó xe hơi và ô tô điện sẽ nhận được năng lượng bằng cách không tiếp xúc. Để hiện thực hóa kế hoạch này, các nhà khoa học còn cần giải quyết thêm một bước - vấn đề ổn định của các hạt carbon trong hỗn hợp bê tông.

### **Gạch từ nhựa tái chế**

Các nhà khoa học Úc thuộc Đại học Flinder đầu năm 2020 đã công bố nghiên cứu chế tạo những viên gạch từ phế thải nhựa, sợi thực vật và cát. Từ hỗn hợp tạo thành, họ chế ra một loại cao su dạng bột, là cơ sở để tạo gạch và xi măng. Chất thu nhận được có thể nung, ép và kéo dài. Những tính chất này khiến loại gạch mới có thể sử dụng không chỉ trong xây dựng mà cả trong ngành cơ khí sửa chữa ô tô. Cao su thu được có thể pha trộn với một số cốt liệu khác để tạo nên vật liệu composite mới, cũng như có thể nghiền mịn và tái chế nhiều lần.

Ngành công nghiệp xây dựng hiện nay góp khoảng 20% lượng khí thải carbon dioxide vào

bầu khí quyển. Hầu hết các khí thải này có liên quan đến việc chế tạo và sử dụng vật liệu xây dựng. Công nghệ mới sẽ giúp giảm bớt các tác động có hại đến môi trường xung quanh.

### **Gỗ trong suốt**

Năm 2019, các nhà khoa học thuộc Viện Công nghệ Hoàng gia Stockholm (Thụy Điển) đã bước đầu nghiên cứu thành công gỗ trong suốt thay cho kính thông thường.

Trong quá trình nghiên cứu kéo dài vài năm, các nhà khoa học đã chứng minh gỗ trong suốt có tính cách nhiệt vượt trội so với kính xây dựng. Họ loại bỏ lignin ra khỏi gỗ - một thành phần của thành tế bào, có thể hấp thụ ánh sáng. Sau đó vật liệu được ngâm trong acrylic. Ở khâu này, các nhà khoa học đã thu nhận được một loại gỗ mà ánh sáng mặt trời có thể xuyên thấu. Tiếp theo, gỗ được tẩm một loại polymer đặc biệt có tác dụng hấp thụ nhiệt. Kết quả cuối cùng, các nhà khoa học đã thu được loại vật liệu mới có khả năng dẫn truyền ánh sáng và hấp thụ nhiệt. Vào ban ngày, gỗ trong suốt sẽ hấp thụ nhiệt và làm mát căn phòng. Vào ban đêm, polymer có trong thành phần gỗ sẽ bắt đầu kết cứng và giải phóng năng lượng tích lũy ban ngày.

Vật liệu còn có thể chịu được mức tải cao và có thể phân hủy sinh học, giúp đơn giản hóa việc xử lý. Vấn đề nhỏ có thể phát sinh với acrylic, song các nhà khoa học đang dự định thay thế acrylic bằng vật liệu khác. Hiện các nhà nghiên cứu đang phát triển quy mô công nghiệp, chuẩn bị cho việc sản xuất đại trà gỗ trong suốt. Vật liệu mới đang được lên kế hoạch ứng dụng rộng rãi trong xây dựng trong 5 năm tới đây.

### **Những khối xây từ muối biển**

Kiến trúc sư người Hà Lan Erik Jobers là người đầu tiên đề xuất tận dụng trữ lượng muối thu được sau khi khử mặn nước biển làm vật liệu xây dựng. Phát minh của ông dựa trên quá trình chiết xuất muối từ nước biển bằng cách sử dụng năng lượng mặt trời. Từ hỗn hợp muối và

ting bột ông đã thu được những khối giống các viên gạch. Để tăng độ tin cậy, bề mặt của các khối muối được phủ vật liệu gốc epoxy.

Công nghệ khiến việc khử muối trong nước biển trở thành quy trình không chất thải và có thể được ứng dụng ở những khu vực có khí hậu khô nóng. Hiện nay, những viên gạch muối đã được dùng để ốp lát phòng xông hơi và phòng tắm, có thể chịu được nhiệt độ cao.

E. Jobers đã nghiên cứu dự án xây dựng một thị trấn nhỏ ở Qatar có sử dụng các khối xây muối, tuy nhiên kế hoạch còn gặp trở ngại - vùng sa mạc không có gỗ hoặc đất sét, và khan hiếm nước. Nguyên liệu cho gạch muối dự kiến được khai thác từ vùng biển của Vịnh Ba Tư.

### **Bê tông “sống”**

Các nhà khoa học Đại học Colorado (Mỹ) đã nghiên cứu một loại bê tông sinh thái có thể tự “nhân lên”. Vật liệu xây dựng mới là một hỗn hợp cát hydrogel khoáng vi sinh, nhờ hoạt động của vi khuẩn, cát sẽ biến thành gạch.

Trong quá trình nghiên cứu chế tạo bê tông, các nhà khoa học đã đưa những vi khuẩn đặc biệt vào môi trường dưỡng chất của hydrogel và trộn cùng với cát. Vi khuẩn lấy thức ăn từ môi trường này, phát triển và sản xuất ra canxi cacbonat. Như vậy, quá trình khoáng hóa diễn ra và một viên gạch nhỏ sẽ phát triển dần. Nếu đập vỡ đôi viên gạch, sau một thời gian hai nửa đó sẽ phát triển thành hai viên gạch toàn vẹn. Để quá trình này tiếp diễn, cần bổ sung cát, hydrogel và dưỡng chất cho mỗi nửa viên gạch. Các nhà khoa học đã “nuôi trồng” thành công tám viên gạch từ một viên gạch “mẹ”.

Các nhà khoa học cho biết vật liệu có cường độ tương tự bê tông thường. Họ cũng khẳng định bê tông mới có thể ứng dụng rộng khắp - từ xây dựng thông thường đến xây dựng trong không gian. Ngoài ra, bê tông “sống” có đặc tính sinh thái cao, hầu như không phát thải carbon dioxide trong quá trình sản xuất. Các nhà khoa học hiện đang nghiên cứu công nghệ cho phép ứng dụng vật liệu trong điều kiện khô hạn,

bởi vì trong điều kiện như vậy, sự tồn tại của vi khuẩn trong vật liệu sẽ bị đe dọa.

### **Xi măng phát sáng**

Nhà khoa học Mexico Jose Carlos Rubio vài năm trước đây đã bắt tay nghiên cứu xi măng phát sáng. Ông đã biến đổi cấu trúc vi mô của xi măng bằng cách thêm vào một lượng phần tử huỳnh quang có thể hấp thụ năng lượng mặt trời và trả lại môi trường dưới hình thức phát xạ ánh sáng. Kết quả nhận được là vật liệu có thể hấp thụ năng lượng mặt trời vào ban ngày, và sau đó phát ra vào ban đêm.

Xi măng huỳnh quang cải tiến có khả năng kháng tia cực tím rất cao, và có tuổi thọ (theo thiết kế) cũng rất cao - khoảng 100 năm. Ngoài ra, vật liệu thân thiện với môi trường do được chế tạo từ vật liệu tự nhiên, phấn và đất sét. Sản phẩm phụ duy nhất của cả quá trình sản xuất xi măng là hơi nước.

Xi măng phát sáng có thể sử dụng để làm đường và vỉa hè, do có thể chiếu sáng vào ban đêm, điều này sẽ giúp giảm mức tiêu thụ điện năng. Các nhà khoa học đã tiếp tục nghiên cứu một loại xi măng phát ánh sáng màu lam và màu lục, đồng thời cường độ ánh sáng có thể điều chỉnh, tránh không làm chói mắt các lái xe hoặc người đi xe đạp.

Vật liệu cải tiến luôn có những phẩm chất nhất định, song chưa được áp dụng rộng rãi trên thị trường xây dựng thế giới nói chung, thị trường xây dựng của Nga nói riêng. Đánh giá vấn đề này, bà Vera Burtseva - người đứng đầu nhóm làm việc về nghiên cứu tiêu chuẩn sinh thái GREEN ZOOM (Liên bang Nga) nhận xét: các nhà xây dựng Nga sử dụng vật liệu cải tiến một cách quá thận trọng, điều này bởi thực tế ngành công nghiệp xây dựng luôn bảo thủ. Tuy vậy, các nhà đầu tư ngày càng quan tâm hơn tới các vật liệu sinh thái, thân thiện môi trường, bởi các vật liệu ảnh hưởng đến chất lượng môi trường sống trong tương lai, kèm theo đó là sức khỏe của con người. Theo các số liệu được thống kê, hiện nay trên toàn lãnh thổ Liên bang

khoảng 10% công trình đạt chứng nhận GREEN ZOOM có sử dụng vật liệu cải tiến ở một tỷ lệ đáng kể.

Còn bà Ksenia Lukyaschenko - Trưởng phòng chứng nhận môi trường của EcoStandart Group cho rằng: Thị phần ứng dụng vật liệu cải tiến trong xây dựng rất khó đánh giá, bởi vì xây dựng đại trà thường áp dụng các giải pháp chuẩn, ít khi thử nghiệm đổi mới. Ngoài ra, quy mô đổi mới và hiệu quả kinh tế khi áp dụng đổi mới là những tiêu chí rất quan trọng. Trong đa số trường hợp, vật liệu hoặc giải pháp cải tiến sẽ đòi hỏi vốn đầu tư lớn hơn, nên việc sử dụng rộng rãi bị hạn chế. Ngoài ra, vấn đề thường

gặp trong việc ứng dụng vật liệu cải tiến là thiếu khung pháp lý cho phép hoặc gián tiếp hạn chế sử dụng.

Các nhà sản xuất lớn hàng năm đầu tư một phần vốn của mình vào nghiên cứu vật liệu và các sản phẩm cải tiến. Trên thực tế cho tới nay những sản phẩm này mới chỉ được ứng dụng trong phạm vi hẹp.

**Natalia Gustova**

*Nguồn: trang tin điện tử <https://realty.rbc.ru>*

*tháng 6/2020*

**ND: Lê Minh**

## Các sáng kiến tiết kiệm năng lượng ở các thành phố thông minh

Biến đổi khí hậu là vấn đề cấp bách mà các thành phố thông minh phải đối mặt. Các thành phố thông minh đang đặt ra nhiều mục tiêu xanh để hạn chế vấn đề này.

Các thành phố thông minh trên khắp thế giới đang tập trung vào việc chuyển sang sử dụng năng lượng tái tạo trong nhiều cách. Cùng với đó, những nỗ lực cũng đang được nhìn thấy trong việc cải thiện hiệu quả năng lượng và cắt giảm lượng khí thải CO<sub>2</sub>.

Các nỗ lực này cần phải song hành với nhau để đạt được các mục tiêu tiết kiệm năng lượng. Đó cũng là trách nhiệm của các thành phố thông minh để trở thành nền kinh tế không carbon. Dưới đây là 4 sáng kiến tiết kiệm năng lượng ở các thành phố.

Đầu tháng 7 năm 2020, Panasonic đã công bố sáng kiến mang tên “Tương lai cuộc sống Berlin”. Với dự án này, công ty đang giới thiệu với thế giới về một giải pháp tiết kiệm năng lượng cho các tòa nhà dân cư. Dự án này là một phần của các sáng kiến thành phố thông minh quy mô lớn hơn của Panasonic, sẽ tập trung vào việc khử cacbon.

Dự án “Tương lai Cuộc sống Berlin” ở Đức tập hợp những tinh hoa của cuộc sống xanh, bền vững, kỹ thuật số và kết nối. Công ty Panasonic sẽ cài đặt các giải pháp năng lượng thông minh. Các giải pháp bao gồm máy bơm nhiệt không khí (air to water heat pumps) hiệu quả cao, tấm pin năng lượng mặt trời (sonal panels) và pin lưu trữ hiệu quả cao của Panasonic. Tất cả điều này sẽ được tích hợp vào một hệ thống quản lý năng lượng thông minh và hiệu quả.

Panasonic đã đưa 60 năm kinh nghiệm làm nóng và làm mát qua nhiều thập kỷ về các giải pháp PV và pin vào các dự án này. Đây là tuyên bố của Junichi Suzuki, Chủ tịch và Giám đốc điều hành của Panasonic Châu Âu B.V.

Thành phần năng lượng chính của dự án là dòng sản phẩm máy bơm nhiệt không khí của Panasonic, dòng sản phẩm cao cấp “Aqu Aquea”. Công nghệ này rất tiết kiệm năng lượng và chạy gần như không có carbon khi được cung cấp năng lượng tái tạo từ 600 tấm Panasonic HIT cung cấp 195kWp. Việc sử dụng công nghệ silicon được cấp bằng sáng



chế cho các hệ thống quang điện làm cho chúng hiệu quả hơn 10%.

Toàn bộ hệ thống này cùng với năng lượng tái tạo sẽ giúp sưởi ấm, tạo nước ấm và làm mát. Để tăng cường hơn nữa hiệu suất, tính năng kết nối dựa trên nền tảng đám mây “Aquarea Service Cloud”, sẽ giúp giảm lượng khí thải CO<sub>2</sub>.

Những giải pháp năng lượng này kết hợp với dịch vụ điện toán đám mây Aquarea. Nó sẽ cho phép cư dân theo dõi việc sử dụng năng lượng và quản lý cài đặt nhiệt độ. Các cư dân có thể kết nối thiết bị với TV và loa thông minh của Panasonic. Được biết, hệ thống quản lý năng lượng này khi được thử nghiệm đã đạt được sự cải thiện trong việc sử dụng năng lượng tới 15%.

### **Dự án Năng lượng đột phá ở Lisbon**

Tòa nhà di sản duy nhất ở Lisbon, Bồ Đào Nha, được thành lập vào năm 1880 trải qua một cuộc cải tạo năng lượng. Phòng làm việc của thị trưởng thành phố Lisbon cùng 100 nhân viên đã được đặt tại đây.

Dự án nằm trong Chương trình Thành phố chia sẻ “Sharing Cities Programme” là một phần của chiến lược thích ứng khí hậu năm 2020 “European Green Capital”. Đây là một ví dụ sống động về cách các tòa nhà dịch vụ công cộng và các tòa nhà lịch sử có thể cải thiện hiệu suất năng lượng. Điều này là không gây bất kỳ thiệt hại cho kiến trúc và các tính năng ban đầu của nó.

Nó bắt đầu với một mô hình 3D của tòa nhà để thiết lập các thuộc tính cơ sở của tòa nhà. Chúng bao gồm vật liệu xây dựng, mô hình sử dụng, chiếm dụng, hệ thống chiếu sáng, nhiệt độ và sử dụng năng lượng thiết bị. Mô hình 3D cùng với phần mềm mô phỏng năng lượng và thời tiết năng động để xác định cách tiếp cận phù hợp nhất.

Các trang bị thêm này đã thay thế hệ thống HVAC. Tất cả các đèn đã được thay thế bằng đèn LED. Và một hệ thống quang điện đã được cài đặt để phát điện. Những thay đổi duy nhất

cho tòa nhà là sự phục hồi đặc biệt của các cửa sổ hiện có. Bởi vì chất lượng của chúng bị suy giảm do tuổi tác và các yếu tố khí quyển.

Thành phần cốt lõi của toàn bộ trang bị năng lượng này là một hệ thống quản lý năng lượng bền vững được phát triển bởi Sharing city. Nó giám sát tải trọng của PV, HVAC và các thiết bị nhỏ hơn khác. Với những thay đổi mới, tòa nhà đã đạt được mức tiết kiệm 36% trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2019 đến tháng 2 năm 2020. 90% năng lượng mặt trời được tự tiêu thụ trung bình.

Dự án đã được hoàn thành với khoản tài trợ 24 triệu euro từ chương trình nghiên cứu và đổi mới Horizon của Liên minh Châu Âu 2020. Xa hơn nữa, các dữ liệu của tòa nhà sẽ được thực hiện để xác định các chính sách năng lượng trong tương lai.

### **Tạo các bề mặt thu năng lượng**

Thành phố thông minh đã lắp đặt các tấm pin mặt trời trên mái của các tòa nhà. Tuy nhiên, sáng kiến sau đây cho thấy các thành phố thậm chí có thể sử dụng mặt tiền tòa nhà để thu năng lượng. Một dự án có tên ENVISION điều tra các công nghệ để thu năng lượng từ các bề mặt tòa nhà.

Người ta ước tính rằng có khoảng 60 tỷ m<sup>2</sup> mặt tiền các công trình ở châu Âu, Khu vực này rất quan trọng để đạt được mục tiêu của châu Âu về môi trường xây dựng trung hòa năng lượng vào năm 2050. Các nhà nghiên cứu và công ty tham gia vào dự án ENVISION nhằm mục đích làm cho các căn hộ tiết kiệm năng lượng hơn.

Các tòa nhà tạo ra nhiều năng lượng hơn sử dụng. Vì vậy, họ nhằm mục đích tích hợp bốn công nghệ mới vào xây dựng mặt tiền để thu hoạch nhiệt hoặc điện. Công nghệ đầu tiên là cửa sổ quang điện (photovoltaic windows) thu hoạch điện.

Những cửa sổ này bao gồm các đường sọc (stripe-like features) như trong kính cho phép lắp đặt gân cầu thang hoặc nơi cần ánh sáng tự

nhien. Thứ hai là việc sử dụng một loại sơn đặc biệt hấp thụ 40-98% ánh sáng mặt trời, tùy thuộc vào màu sắc. Các tấm sơn được gắn vào các bơm nhiệt đặc biệt có thể tạo ra nhiệt hoặc nước nóng.

Công nghệ thứ ba, là các panels với các tấm kính màu có thể thu nhiệt. Các tấm panels đầy màu sắc này có thể được sử dụng để trang trí trên mặt tiền tòa nhà. Công nghệ cuối cùng sử dụng cửa sổ thông gió đặc biệt để hạ nhiệt tòa nhà vào mùa hè.

Nó sử dụng kính trong suốt trên cửa sổ để thu hoạch bức xạ gần hồng ngoại từ ánh sáng mặt trời. Nhìn chung, nhiều ánh sáng được phản chiếu ra bên ngoài đã góp phần làm nóng các thành phố. Nói cách khác, nó được gọi là hiệu ứng đảo nhiệt.

Kính PV đang được thử nghiệm trong một tòa nhà ở Áo. Cửa sổ thông gió đang được thử nghiệm trong một tòa nhà tại Đại học Genova.

### **Sydney sử dụng 100% điện tái tạo**

Vào ngày 1 tháng 7 năm 2020, các hoạt động của Sydney từ đèn đường, hồ bơi, kho, đến các tòa nhà bắt đầu chạy bằng năng lượng tái tạo 100%. Điều này đã được thực hiện bởi thỏa thuận năng lượng xanh lớn nhất trị giá hơn 60 triệu đô la của một hội đồng của Úc.

Sự thay đổi mới này được ước tính sẽ tiết kiệm tới 500 triệu đô la một năm trong thập kỷ tới. Lượng khí thải CO<sub>2</sub> sẽ giảm gần 20.000 tấn mỗi năm. Điều này tương đương với mức tiêu thụ điện của hơn 6.000 hộ gia đình.

Dự án này sẽ tạo ra việc làm và hỗ trợ các cộng đồng bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19. Nó cũng sẽ tạo ra những cơ hội mới ở khu vực chịu ảnh hưởng của hạn hán ở bang NSW. Thị trưởng thành phố Sydney, ông Mayor Clover Moore nói trong thỏa thuận mới.

Ông nói rằng tất cả các cấp chính quyền phải khẩn trương chuyển sang năng lượng tái tạo trong trường hợp khí hậu ở tình trạng khẩn cấp. Năng lượng xanh Sydney được tạo ra từ 3 cách khác nhau. Đầu tiên là trang trại năng lượng mặt trời Shoalhaven khi hoàn thành sẽ có gần 10.000 tấm. Và nó sẽ tạo ra năng lượng để cung cấp cho 1500 ngôi nhà.

Một cái khác là trang trại năng lượng mặt trời Bomen 120MW với hơn 310.000 tấm pin mặt trời trên 250 ha đất. Dự án này là lần đầu tiên ở Úc sử dụng các tấm pin hai mặt hấp thụ ánh sáng mặt trời ở cả hai bên. Nó cũng có công nghệ theo dõi thay đổi từng tấm panel trong suốt cả ngày để thu năng lượng mặt trời.

Cái thứ ba là trang trại gió Sapphire gần Inverell. Đây là trang trại lớn nhất với công suất 270MW được tạo ra bởi 75 tuabin đứng cao 200 mét. Đây là những sáng kiến hiện tại để chống biến đổi khí hậu, tương lai có thể đi kèm với các công nghệ xanh đáng ngạc nhiên hơn.

**ND: Mai anh**

*Nguồn: <https://www.smartcity.press/smart-city-energy-saving-initiatives/>*

## Hội nghị phổ biến văn bản quy phạm pháp luật về kiến trúc, xây dựng và quản lý chi phí đầu tư xây dựng

Ngày 29/7/2020, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng tổ chức Hội nghị Phổ biến văn bản quy phạm pháp luật về kiến trúc, xây dựng và quản lý chi phí đầu tư xây dựng, do Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh chủ trì. Dự Hội nghị có đại diện các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng và các Bộ quản lý chuyên ngành; các Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Xây dựng địa phương; các doanh nghiệp, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực kiến trúc, tư vấn, đầu tư xây dựng.

Phát biểu tại Hội nghị, Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh cho biết, thời gian qua Bộ Xây dựng đã chủ động tham mưu, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành và ban hành theo thẩm quyền nhiều văn bản quy phạm pháp luật, hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức đơn giá xây dựng nhằm giúp công tác quản lý nhà nước ngành Xây dựng cũng như các hoạt động đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng được triển khai hiệu quả.

Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh nhấn mạnh, cùng với việc tăng cường hoàn thiện cơ sở hành lang pháp lý trong lĩnh vực xây dựng, Bộ Xây dựng đặc biệt quan tâm các giải pháp đảm bảo hệ thống văn bản này được triển khai nhanh chóng, toàn diện tới cơ quan quản lý nhà nước các cấp, các tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng người dân, như: Công bố công khai trên các trang thông tin điện tử của Chính phủ, Bộ Xây dựng, Bộ Tư pháp, các Sở ngành liên quan, đồng thời tổ chức các sự kiện, hội nghị, hội thảo chuyên đề để tuyên truyền, phổ biến sâu rộng các chính sách pháp luật trong lĩnh vực xây dựng.

Tại Hội nghị, Bộ Xây dựng tập trung phổ biến hệ thống văn bản quy phạm pháp luật với những nhóm nội dung mới, đang được dư luận xã hội, doanh nghiệp, người dân đặc biệt quan tâm, như: Luật Kiến trúc; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; Nghị định số



Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh phát biểu tại Hội nghị

68/2019/NĐ-CP về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị quyết 108/NQ-CP của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Nghị định số 68/2019/NĐ-CP; Thông tư số 02/2020/TT-BXD Sửa đổi, bổ sung một số điều của 4 Thông tư có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Giới thiệu Luật Kiến trúc, Phó Vụ trưởng Vụ Quy hoạch - Kiến trúc Hồ Chí Quang cho biết, Luật Kiến trúc được xây dựng nhằm tạo công cụ pháp lý đồng bộ, toàn diện, thống nhất, hiệu lực cao để điều chỉnh quá trình phát triển, các hoạt động kiến trúc, xây dựng nền kiến trúc Việt Nam và đội ngũ kiến trúc sư, cán bộ quản lý đáp ứng được yêu cầu của công cuộc đổi mới đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng; tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về kiến trúc, hành nghề kiến trúc sư và xây dựng đội ngũ kiến trúc sư. Phát huy đầy đủ vai trò của kiến trúc sư, các tổ chức, cá nhân và xã hội trong hoạt động kiến trúc. Đảm bảo lợi ích của Nhà nước, nhân dân và xã hội.

Phó Vụ trưởng Hồ Chí Quang nêu bật những điểm mới của Luật Kiến trúc, đó là đưa ra các quy định quản lý kiến trúc, hành nghề kiến trúc đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển và hội nhập quốc tế.



*Phó Vụ trưởng Vụ Quy hoạch - Kiến trúc Hồ Chí Minh trình bày tham luận tại Hội nghị*

Cụ thể, về quản lý kiến trúc: Luật Kiến trúc bổ sung (luật hóa) quy định, yêu cầu về bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc nhằm cụ thể hóa các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc, trong đó có lĩnh vực kiến trúc. Trong đó, bổ sung một điều riêng về bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc bao gồm các đặc điểm, tính chất tiêu biểu và đặc trưng tạo nên một phong cách riêng của kiến trúc Việt Nam về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, văn hóa nghệ thuật; phong tục tập quán sinh hoạt của địa phương; phương pháp kỹ thuật xây dựng và sử dụng vật liệu xây dựng. Đồng thời, quy định các địa phương có trách nhiệm cụ thể hóa các giá trị bản sắc văn hóa dân tộc trong Quy chế quản lý kiến trúc để bảo đảm khả thi, phù hợp với từng vùng, miền, địa phương do mình quản lý; bổ sung quy định về bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa dân tộc vào các nội dung có liên quan trong dự thảo Luật như nguyên tắc hoạt động kiến trúc, yêu cầu quản lý kiến trúc.

Bổ sung hoàn thiện quy định về chính sách của Nhà nước trong hoạt động kiến trúc (trong đó quy định rõ những hoạt động được Nhà nước đầu tư, hỗ trợ và khuyến khích làm cơ sở để thực hiện quản lý kiến trúc và hành nghề kiến trúc) nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm của Nhà nước và xã hội gắn với các nhiệm vụ cụ thể trong việc thúc đẩy, quản lý và phát triển nền



*Toàn cảnh Hội nghị*

kiến trúc Việt Nam; hoàn thiện các quy định, yêu cầu đối với kiến trúc đô thị, nông thôn, bổ sung quy định đối với những khu vực đặc thù khác; quy định cụ thể đối với Quản lý thiết kế kiến trúc (thiết kế kiến trúc là một nội dung quan trọng có tính đặc thù trong thiết kế xây dựng, cần có quy định quản lý cụ thể); bổ sung quy định quản lý đối với công trình kiến trúc có giá trị, đây là đối tượng quản lý kiến trúc cần được quy định đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Bổ sung, hoàn thiện các công cụ quản lý kiến trúc như: Quy chế quản lý kiến trúc, đây là công cụ quản lý kiến trúc trực tiếp do UBND cấp tỉnh ban hành làm cơ sở quản lý kiến trúc trên địa bàn, đáp ứng yêu cầu xây dựng, cải tạo chỉnh trang các công trình kiến trúc, thiết kế cảnh quan cho toàn bộ đô thị và điểm dân cư nông thôn; Hội đồng tư vấn về kiến trúc có vai trò rất quan trọng trong việc tư vấn cho Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh về lĩnh vực kiến trúc và kiến trúc của một số công trình quan trọng của quốc gia và địa phương; thi tuyển phương án thiết kế kiến trúc công trình xây dựng: Hoàn thiện quy định về thi tuyển phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Về hành nghề kiến trúc, Luật Kiến trúc đã luật hóa và quy định cụ thể việc quản lý hành nghề kiến trúc; quy định cụ thể quy trình xét, cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề kiến trúc theo các tiêu chí cụ thể, phải đăng ký, công khai thông tin hành nghề, đảm bảo cộng đồng xã hội



thụ hưởng các dịch vụ kiến trúc chất lượng cao; bổ sung quy định việc kiến trúc sư hành nghề phải tuân thủ Bộ quy tắc ứng xử nghề nghiệp kiến trúc sư đáp ứng yêu cầu thực tiễn và hội nhập quốc tế; bổ sung yêu cầu Phát triển nghề nghiệp liên tục đối với kiến trúc sư hành nghề (phù hợp với thông lệ quốc tế về hành nghề kiến trúc sư tại các nước châu Á, châu Âu, Mỹ và Hiệp hội Kiến trúc sư thế giới UIA mà Việt Nam là thành viên) quy định về Phát triển nghề nghiệp liên tục là yêu cầu bắt buộc liên tục trong quá trình hành nghề nhằm duy trì, tăng cường hoặc nâng cao kiến thức và kỹ năng của kiến trúc sư hành nghề để đảm bảo kiến thức và khả năng của họ liên quan đến nhu cầu của xã hội.

Về trách nhiệm quản lý nhà nước về kiến trúc, Luật Kiến trúc quy định các nội dung, nguyên tắc, phân công cụ thể trách nhiệm của các Bộ, ngành và UBND các cấp trong công tác quản lý kiến trúc theo quy định của Luật Kiến trúc.

Nhằm chuyển tải đầy đủ hơn những thông tin chính sách pháp luật liên quan đến Luật Kiến trúc, Phó Vụ trưởng Hồ Chí Quang cũng trình

bày những nội dung cơ bản của Nghị định số 85/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc và cho biết, Nghị định này chính thức có hiệu lực thi hành kể từ ngày 7/9/2020. Bên cạnh đó, các chính sách về phát triển công trình xanh, công trình hiệu quả năng lượng cũng được chuyên gia đến từ Hội Kết cấu và công nghệ xây dựng Việt Nam, Cố vấn BQL Dự án EECB trình bày tại Hội nghị.

Tại Hội nghị, các đại biểu đã tích cực trao đổi, làm rõ những vấn đề còn vướng mắc, đang được dư luận xã hội quan tâm liên quan đến các thể chế, chính sách trong lĩnh vực kiến trúc, quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Từ đó, tham mưu giúp cơ quan quản lý nhà nước cấp trên thực hiện đúng, hiệu quả những quy định pháp luật trong lĩnh vực xây dựng, góp phần quan trọng đưa hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ngành Xây dựng nói riêng, văn bản pháp luật nói chung đi vào thực tiễn cuộc sống.

**Trần Đình Hà**

## **Hội nghị góp ý cho Đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung TP Long Khánh, tỉnh Đồng Nai đến năm 2035 và định hướng đến năm 2050**

Ngày 06/8, tại Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn đã chủ trì cuộc họp góp ý cho Đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung (QHC) TP Long Khánh, tỉnh Đồng Nai đến năm 2035 và định hướng đến năm 2050. Tham dự có đại diện lãnh đạo TP Long Khánh, đại diện đơn vị tư vấn lập Đồ án Nikken (Nikken Sekkei Vivil Engineering Ltd), lãnh đạo các đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Xây dựng: Cục Phát triển đô thị, Cục Hạ tầng kỹ thuật, Vụ Quy hoạch kiến trúc.

Tại cuộc họp, đại diện Nikken - đơn vị tư vấn lập Đồ án đã trình bày khái quát về Đồ án và quá trình thực hiện. Theo đó, căn cứ để lập Đồ

án điều chỉnh tổng thể QHC TP Long Khánh trên cơ sở Đồ án cũ QHC TP Long Khánh được duyệt từ năm 2017, trong đó một số định hướng trong QHC được duyệt đã không còn phù hợp với hiện trạng cũng như định hướng phát triển mới của địa phương nữa. Cùng với đó, Đồ án điều chỉnh QH Vùng TP Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, được duyệt năm 2017 đã đề ra mục tiêu đến năm 2030 TP Long Khánh sẽ phát triển lên đô thị loại II trực thuộc tỉnh Đồng Nai.

Phạm vi lập QHC điều chỉnh TP Long Khánh bao gồm 11 phường nội thị (giữ nguyên như Đồ án cũ năm 2017) và mở rộng thêm 4 xã:





*Thủ trưởng Nguyễn Tường Văn phát biểu tại cuộc họp*



*Toàn cảnh cuộc họp*

Bảo Quang, Bàu Trâm, Bình Lộc, Hàng Gòn với tổng diện tích là 191,75 km<sup>2</sup>, tổng dân số hiện trạng 154.768 người.

Theo Đồ án điều chỉnh lần này, TP Long Khánh với tính chất và chức năng đô thị là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Đồng Nai; là đô thị phát triển gắn với khu công nghiệp tập trung, phát triển thương mại dịch vụ, phát triển nông nghiệp công nghệ cao kết hợp phát triển dịch vụ du lịch cảnh quan, trang trại...; là đầu mối giao thông của vùng, cửa ngõ giao thương liên kết với các tỉnh trong vùng Đông Nam Bộ và Tây Nguyên.

Đơn vị tư vấn lập Đồ án cho biết, trên cơ sở việc nghiên cứu các căn cứ pháp lý có liên quan, điều kiện tự nhiên và hiện trạng và nhất là tiền đề phát triển đô thị của TP Long Khánh trong đó có 2 điểm nhấn quan trọng là tuyến đường cao tốc HCM-Long Thành-Dầu Giây đã hoàn thành đã tăng cường kết nối Long Khánh với TP HCM và cách sân bay Long Thành đang được triển khai xây dựng chỉ 20km. Đồ án đã đưa ra định hướng phát triển không gian, QH (quy hoạch) sử dụng đất-thiết kế đô thị, định hướng hạ tầng xã hội, QH HTKT (hạ tầng kỹ thuật), đánh giá môi trường chiến lược; phân kỳ-dự án ưu tiên đầu tư đối với TP Long Khánh giai đoạn đến năm 2035 và định hướng đến năm 2050.

Phát biểu tại Hội nghị, ông Đỗ Chánh Quang- Phó Chủ tịch UBND TP Long Khánh cho biết, Đồ án điều chỉnh tổng thể QHC TP Long Khánh đến năm 2035 và định hướng đến

năm 2050 đã được triển khai trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các Sở, ban, ngành, các cơ quan liên quan và cộng đồng dân cư địa phương.

Sau khi nghe báo cáo, đại diện các cơ quan chuyên môn Bộ Xây dựng đã có nhiều ý kiến góp ý về nội dung của Đồ án với đơn vị tư vấn Nikkei nhằm nâng cao chất lượng Đồ án trước khi trình tỉnh Đồng Nai phê duyệt. Theo đó, Đồ án cần làm nổi bật những căn cứ (căn cứ pháp lý, thực trạng phát triển chung và riêng của địa phương) cho việc lập Đồ án điều chỉnh QHC lần này; Đồ án chưa làm rõ những yếu tố trực diện tác động trực tiếp đến đô thị Long Khánh, chưa nêu rõ được động lực tăng trưởng dân số đến 260.000 người trong phần các chỉ tiêu QH; Đồ án cần cập nhật những văn bản pháp lý hiện hành bởi có nhiều thông tư liên quan đã thay đổi; Tư vấn nên đưa ra giải pháp xử lý tuyến đường sắt Bắc Nam hiện đang cắt ngang qua trung tâm TP Long Khánh; Rà soát lại các số liệu dân số, diện tích đất, cần xem xét lại dự báo chỉ tiêu sử dụng đất xây dựng cho phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn...

Kết luận cuộc họp, Thủ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Tường Văn lưu ý Tư vấn Nikken cần xác định rõ tính chất, vai trò của đô thị Long Khánh trong điều chỉnh QHC lần này phù hợp với nhiệm vụ QHC tỉnh Đồng Nai vừa được Bộ Kế hoạch đầu tư phê duyệt và phù hợp với QHC Vùng TP Hồ Chí Minh được duyệt năm 2017; Đồ án cần phải đưa vào phần đánh giá thực

trạng phát triển của TP Long Khánh giai đoạn từ năm 2017-2019; Cần quan tâm đến vấn đề sắp xếp lại các đơn vị hành chính cấp phường; Đồ án còn thiếu các chỉ tiêu của từng khu chức năng, là yếu tố rất quan trọng khi triển khai các quy hoạch phân khu; Thứ trưởng Nguyễn Tường Văn cũng lưu ý đơn vị Tư vấn hai chỉ tiêu về dân số và đất đai đặc biệt quan trọng đối với

đô thị mà trong cuộc họp đã có nhiều ý kiến góp ý cho Đồ án về mặt số liệu, đơn vị Tư vấn cần cẩn trọng rà soát lại đồng thời cần biện dẫn, viện minh và chứng minh các dự báo, các chỉ tiêu QH để có cơ sở khoa học nhằm nâng cao độ tin cậy và tính khả thi của Đồ án.

**Ninh Hoàng Hạnh**

## **Thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản Quý II/2020**

Theo đánh giá của Bộ Xây dựng, mặc dù còn có một số khó khăn, nhưng thị trường bất động sản trong Quý II/2020 vẫn có nhiều cơ hội hồi phục và phát triển, được thể hiện ở các yếu tố như nhu cầu về các loại bất động sản nhà ở, cơ sở sản xuất kinh doanh, trong các khu công nghiệp, bất động sản du lịch nghỉ dưỡng... vẫn còn lớn. Bên cạnh đó, Chính phủ đã và đang tiếp tục chỉ đạo nghiên cứu ban hành nhiều chính sách mới hỗ trợ thị trường bất động sản, các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành sẽ góp phần giải quyết những vướng mắc tồn đọng đối với các dự án từ năm 2019 trở về trước.

Luật Xây dựng (sửa đổi) 2020 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020 có một số quy định mới để tháo gỡ những vướng mắc, tạo điều kiện hơn so với trước đây như: Quy định cụ thể việc xác định "chủ đầu tư" dự án đầu tư xây dựng; tích hợp thẩm định "thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở" với thực hiện thủ tục cấp Giấy phép xây dựng; mở rộng các trường hợp không phải cấp phép xây dựng; tăng cường phân cấp trong thực hiện thủ tục cấp Giấy phép xây dựng; đảm bảo thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật về Đầu tư, Đầu tư công và pháp luật về Đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

Luật Đầu tư (sửa đổi) 2020 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020 với nhiều nội dung, quy định mới, trong đó có sửa đổi, bổ sung một

số điều của Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và kết hợp với Luật Xây dựng (sửa đổi) đã đảm bảo sự đồng bộ của hệ thống pháp luật liên quan đến việc chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư, công nhận chủ đầu tư dự án nhà ở, bất động sản.

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 9/4/2020 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3/2020, Bộ Xây dựng đang nghiên cứu sửa Nghị định số 100/2015/NĐ-CP về quản lý và phát triển nhà ở xã hội theo trình tự thủ tục rút gọn. Hiện tại, Bộ Xây dựng đã dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 100/2015/NĐ-CP, đang lấy ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, Hiệp hội, doanh nghiệp... để tiếp tục hoàn thiện và dự kiến trình ban hành trong quý III/2020.

Bộ Xây dựng đang nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở, Nghị định 101/2015/ND-CP về cải tạo, xây dựng lại chung cư. Hiện tại, Bộ Xây dựng đã dự thảo các Nghị định này, đang lấy ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, Hiệp hội, doanh nghiệp... để tiếp tục hoàn thiện và sẽ trình Chính phủ xem xét, ban hành trong quý IV năm 2020.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Xây dựng đang đẩy nhanh hoàn thiện Nghị quyết về phát

triển dự án nhà ở thương mại giá thấp (căn hộ chung cư có quy mô dưới 70m<sup>2</sup>, giá bán không vượt quá 20 triệu đồng/m<sup>2</sup>) để trình Chính phủ xem xét ban hành trong thời gian tới; đồng thời tích cực phối hợp với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và các địa phương, nhất là TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh và các vùng kinh tế trọng điểm thúc đẩy phát triển nhà ở xã hội cho công nhân, người thu nhập thấp; có giải pháp phù hợp, tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển lành mạnh; phối hợp Bộ Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu, có giải pháp tháo gỡ vướng mắc cho các dự án bất động sản du lịch, nghỉ dưỡng.

Theo tổng hợp số liệu từ 54/63 UBND tỉnh/thành phố có báo cáo gửi Bộ, trong Quý II/2020, toàn quốc có: 325 dự án dự án phát triển nhà ở với 70.317 căn hộ được cấp phép; 1.425 dự án với 246.781 căn hộ đang triển khai xây dựng; 73 dự án với 8.901 căn hộ hoàn thành. Số lượng dự án nhà ở được cấp phép tăng mạnh so với Quý I/2020, cụ thể tại một số địa phương trọng điểm như: Hà Nội cấp phép 8 dự án (Quý I/2020 là 0 dự án), tại TP. Hồ Chí Minh cấp phép 4 dự án (Quý I/2020 là 0 dự án).

Đối với dự án du lịch nghỉ dưỡng: có 92 dự án với 6.300 căn hộ du lịch, 197 biệt thự du lịch và 46 căn văn phòng kết hợp lưu trú được cấp phép; 91 dự án với 19.878 căn hộ du lịch và 8.407 biệt thự du lịch đang triển khai xây dựng; 12 dự án với 70 căn hộ du lịch, 256 biệt thự du lịch và 1 căn văn phòng kết hợp lưu trú hoàn thành. Số lượng dự án du lịch, nghỉ dưỡng được cấp phép cũng tăng hơn so với Quý I/2020, cụ thể tại một số địa phương trọng điểm như: Khánh Hòa cấp phép 3 dự án (Quý I/2020 là 0 dự án), tại Phú Yên cấp phép 2 dự án (Quý I/2020 là 0 dự án). Cùng với đó, một số doanh nghiệp bất động sản đang tiếp tục triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành các dự án đang dở dang và triển khai các dự án được cấp phép mới. Tiến độ và khối lượng công việc thực hiện đã tốt hơn so với Quý trước.

Trong quý II/2020 có 29.674 giao dịch bất động sản thành công. Riêng tại Hà Nội có 1.354 giao dịch thành công, TP. Hồ Chí Minh có 3.958 giao dịch thành công. Lượng sản phẩm giao dịch thành công trong quý II/2020 bình quân trên cả nước bằng khoảng 130-140% so với Quý I/2020 do các doanh nghiệp đã nhanh chóng thích ứng, bám sát các chính sách hỗ trợ của Chính phủ sau thời gian giãn cách xã hội. Đến tháng 7/2020, các bất động sản du lịch, nghỉ dưỡng đã hoạt động trở lại cùng với các chính sách khuyến mãi để kích cầu du lịch trong nước, các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản du lịch, nghỉ dưỡng đang trên đà phục hồi sau thời gian dài giãn cách xã hội, hiệu suất kinh doanh bình quân ngày một tăng, đạt khoảng 30 - 40%.

Cũng trong Quý II/2020, toàn quốc có 94 dự án với 19.543 căn hộ được Sở Xây dựng các tỉnh/thành có văn bản thông báo đủ điều kiện bán nhà ở hình thành trong tương lai. Riêng tại Hà Nội có 16 dự án, với tổng số 7.408 căn nhà, giảm 21,3% so với Quý I/2020; tại TP. Hồ Chí Minh có 8 dự án, với tổng số 3.958 căn nhà, giảm 40% so với Quý I/2020 và giảm 5,8% so với cùng kỳ Quý II/2019. Số lượng nhà ở hoàn thành, đủ điều kiện bán trong Quý II/2020 hạn chế, nhiều địa phương trên cả nước nguồn cung nhà ở có xu hướng giảm so với quý trước và cùng kỳ năm 2019.

Tại một số đô thị lớn, giá bán nhà ở trên thị trường không có xu hướng giảm mà vẫn tăng so với cuối năm 2019. Tại Hà Nội, giá căn hộ chung cư tăng khoảng 0,16% so với Quý I/2020. Đối với nhà ở riêng lẻ giá tăng khoảng 0,01% so với Quý I/2020; tại TP. Hồ Chí Minh giá căn hộ chung cư tăng khoảng 0,25% so với Quý I/2020. Đối với nhà ở riêng lẻ giá tăng khoảng 0,15% so với Quý I/2020.

Đối với bất động sản công nghiệp, mặc dù đại dịch Covid-19 gây ra những khó khăn tạm thời cho các doanh nghiệp, tuy nhiên bất động sản công nghiệp nói chung vẫn thu hút khách

thuê, giá thuê bất động sản công nghiệp tăng khoảng 9% so với cùng kỳ năm trước; Bất động sản du lịch, nghỉ dưỡng mới mở bán rất ít, giá bất động sản du lịch vẫn không thay đổi so với năm 2019; Đối với thị trường mặt bằng bán lẻ do ảnh hưởng trực tiếp từ dịch bệnh, khó khăn trong kinh doanh, nhiều mặt bằng bị trả lại hoặc các bên có sự đàm phán, điều chỉnh giảm khoảng 30-50% so với giá thuê trước đây, số mặt bằng trống tăng dần.

Đối với phân khúc mặt bằng cho thuê, không chỉ ở Hà Nội mà cả TP. Hồ Chí Minh, loại hình nhà phố, nhà riêng cho thuê đều đang gặp khó khăn. Giá thuê nhà mặt phố, nhà riêng tiếp tục giảm tại nhiều quận huyện ở cả hai thành phố. Ở Hà Nội giá chào thuê nhà phố, nhà riêng giảm từ 2 - 7% trong khi tại TP. Hồ Chí Minh giảm tới 5 - 16% so với Quý trước.

Về nguồn vốn FDI đầu tư vào lĩnh vực bất động sản, đại dịch Covid-19 đã có những tác động tiêu cực tới nền kinh tế thế giới và trong nước, theo đó các hoạt động sản xuất, kinh doanh đã bị đình trệ, nhiều doanh nghiệp rơi vào tình cảnh khó khăn. Vốn thực hiện của các dự án đầu tư nước ngoài tiếp tục giảm trong 6 tháng đầu năm, chỉ bằng 95,1% so với cùng kỳ, song mức độ giảm đang cải thiện dần so với các tháng trước đó. Đối với nguồn vốn FDI thì trong nhiều năm trở lại, lĩnh vực bất động sản luôn đứng thứ 2 về thu hút nguồn vốn đầu tư FDI (chỉ sau lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo). Tuy nhiên, theo số liệu thống kê 6 tháng đầu năm 2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thì vốn đăng ký đầu tư trong lĩnh vực bất động sản chỉ đứng thứ 4 với tổng vốn đăng ký gần 850 triệu USD, chiếm khoảng 11% tổng nguồn vốn FDI đăng ký mới.

Về hoạt động của doanh nghiệp trong lĩnh vực bất động sản: Sau thời gian giãn cách xã hội do dịch bệnh đến nay, hầu hết các doanh nghiệp trong lĩnh vực bất động sản đã bắt đầu hoạt động trở lại. Các doanh nghiệp kinh doanh và phát triển bất động sản đã bắt đầu mở bán

các dự án, công bố kế hoạch kinh doanh thời kỳ sau đại dịch cùng với kế hoạch tuyển dụng lao động và tìm kiếm nhân sự phù hợp cho kế hoạch lâu dài. Mặc dù thị trường còn nhiều khó khăn, các doanh nghiệp kinh doanh và doanh nghiệp phát triển bất động sản đã có những giải pháp để tiếp cận khách hàng, thay đổi khu vực phát triển để đón đầu xu thế dịch chuyển dòng vốn FDI, xu thế đô thị hóa ở những địa phương ngoài các đô thị lớn.

Về hoạt động của sàn giao dịch bất động sản, nếu như Quý I/2020, các sàn giao dịch bất động sản chịu tác động, ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch, cao điểm có tới 80% sàn tạm dừng hoạt động, trong Quý II, các sàn giao dịch bất động sản đã phục hồi nhanh chóng và hầu hết đã hoạt động trở lại. Tính đến thời điểm này ước tính khoảng 15% sàn vẫn phải đóng cửa hoạt động, nhưng số lượng sàn thành lập mới tăng khoảng 20%.

Như vậy, sau đợt cao điểm của đại dịch Covid thì số lượng sàn giao dịch bất động sản hoạt động gần như không thay đổi, thậm chí có xu hướng tăng. Đồng thời, các sàn giao dịch có tiềm lực tài chính đã bắt đầu khởi động lại, hoạt động với những kế hoạch kinh doanh và phương thức kinh doanh mới như bán hàng trực tuyến, áp dụng công nghệ 4.0 vào việc quản lý thông tin, quản lý giao dịch, thanh toán, quảng cáo, nâng cao dịch vụ chăm sóc khách hàng ngày càng tốt hơn.

Về tăng cường quản lý hoạt động đầu tư, xây dựng, kinh doanh bất động sản du lịch, lưu trú: Tại văn bản số 5269/VPCP-CN ngày 30/6/2020 của Văn phòng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các loại hình bất động sản du lịch, lưu trú.

Để tiếp tục hoàn thiện pháp luật, Bộ Xây dựng sẽ tiếp tục nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Kinh doanh bất động sản theo chương trình xây dựng pháp luật của Quốc hội



và đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản. Theo đó, sẽ quy định rõ việc xây dựng, kinh doanh bất động sản du

lich, lưu trú (căn hộ du lịch, biệt thự du lịch, văn phòng kết hợp lưu trú) để đảm bảo quyền lợi cho các bên, tránh rủi ro cho người dân.

Trần Đình Hà

## Đại hội Đại biểu Đảng bộ Bộ Xây dựng lần thứ IX thành công tốt đẹp

Ngày 14/8/2020 tại Hà Nội đã khai mạc phiên chính thức Đại hội Đại biểu Đảng bộ Bộ Xây dựng lần thứ IX, nhiệm kỳ 2020 - 2025, tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Tham dự Đại hội có đồng chí Phạm Hồng Hà, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Ban Cán sự Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng; các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ Xây dựng khóa VIII cùng 198 đại biểu chính thức đại diện cho trên 1.800 đảng viên của 45 Chi bộ, Đảng bộ trực thuộc Đảng bộ Bộ Xây dựng. Đồng chí Sơn Minh Thắng, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương đến dự và phát biểu chỉ đạo Đại hội.

Tại Đại hội, thay mặt Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ Xây dựng nhiệm kỳ 2015 - 2020, đồng chí Lê Quang Hùng, Ủy viên Ban Cán sự Đảng, Bí thư Đảng ủy, Thứ trưởng Bộ Xây dựng đã trình bày Báo cáo chính trị nhiệm kỳ 2015 - 2020. Báo cáo nhấn mạnh, với tinh thần đoàn kết thống nhất, sự phấn đấu nỗ lực của tập thể Cấp ủy cùng toàn thể cán bộ, Đảng viên, nhiệm kỳ vừa qua, Đảng bộ Bộ Xây dựng đã hoàn thành xuất sắc các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị theo Nghị quyết Đại hội XIII Đảng bộ nhiệm kỳ 2015 - 2020 đã đề ra, qua đó đã góp phần tích cực vào việc hoàn thành các nhiệm vụ chính trị của ngành Xây dựng và sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Đảng ủy Bộ Xây dựng đã tích cực phối hợp với Ban cán sự đảng Bộ Xây dựng, lãnh đạo, chỉ đạo các khối đơn vị hoàn thành nhiệm vụ



Đồng chí Sơn Minh Thắng, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bí thư Đảng ủy Khối Cơ quan Trung ương phát biểu chỉ đạo Đại hội. chính trị của từng khối cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các doanh nghiệp tư vấn, cụ thể:

Cán bộ, đảng viên khối cơ quan quản lý nhà nước đã tham gia tích cực nghiên cứu, soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý nhà nước về xây dựng theo hướng phủ kín các lĩnh vực hoạt động, phân cấp mạnh, xác định rõ quyền và trách nhiệm, đơn giản hóa thủ tục hành chính. Giai đoạn 2015 - 2020, Bộ Xây dựng đã chủ trì soạn thảo, ban hành và trình cấp có thẩm quyền ban hành 125 văn bản quy phạm pháp luật (02 luật của Quốc hội, 01 nghị quyết của UBTVQH, 27 nghị định của Chính phủ, 03 quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 95 thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, trong đó có 03 thông tư liên tịch) và 27 Đề án.

Cán bộ, đảng viên, viên chức khối các đơn vị sự nghiệp tích cực phấn đấu hoàn thành nhiều đề tài cấp Nhà nước, cấp bộ; tham gia





*Đồng chí Lê Quang Hùng, Bí thư Đảng ủy Bộ Xây dựng khóa VIII trình bày Báo cáo chính trị của Đại hội*



*Ra mắt Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ Xây dựng khóa IX, nhiệm kỳ 2020 - 2025.*

soạn thảo nhiều văn bản QPPL phục vụ công tác quản lý nhà nước của Ngành. Các đơn vị khối khoa học công nghệ đang từng bước đổi mới cơ chế tài chính, thực hiện kinh phí tự chủ gắn với thực hiện nhiệm vụ thường xuyên; chủ động tham gia vào công tác phục vụ quản lý nhà nước của Bộ, đồng thời đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ, thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu để thực hiện cơ chế tự chủ. Các đơn vị khối y tế làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe cán bộ, công nhân viên chức và người lao động. Các đơn vị thuộc khối thông tin, báo, tạp chí, xuất bản thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền và có nhiều chuyển biến tích cực, phản ánh hoạt động của ngành trên các lĩnh vực.

Hoạt động thanh tra, kiểm tra của Ngành Xây dựng đã được củng cố và hoạt động hiệu quả, hoàn thành chương trình, kế hoạch thanh tra, kiểm tra được giao và các cuộc thanh tra, kiểm tra đột xuất theo yêu cầu. Công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại tố cáo đã được tập trung giải quyết; xử lý dứt điểm nhiều vụ việc phức tạp, kéo dài góp phần ổn định an ninh trật tự, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, công dân.

Trong công tác xây dựng Đảng, Đảng ủy Bộ Xây dựng phối hợp chặt chẽ với Ban Cán sự đảng Bộ triển khai học tập, quán triệt thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy định của Đảng và Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương.

Đảng ủy Bộ Xây dựng đã lãnh đạo các tổ chức đảng trực thuộc thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; phổ biến, quán triệt kịp thời đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị cho đảng viên, công chức, viên chức, người lao động nắm vững và thực hiện có hiệu quả; tích cực phát hiện, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Đảng ủy Bộ Xây dựng đã ban hành Nghị quyết chuyên đề số 01-NQ/ĐU “về tăng cường tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị trong tình hình hiện nay” với 8 nhóm tiêu chí cụ thể nhằm tăng cường tính tiên phong, gương mẫu và xây dựng đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ Bộ. Đồng thời, chỉ đạo các cấp ủy trực thuộc cụ thể hóa trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu theo Quy định số 08-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương, nhấn mạnh việc xây dựng văn hóa nêu gương trong từng cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị gắn với xây dựng chuẩn mực đạo đức của cán bộ,



Toàn cảnh Đại hội



Bí thư Ban Cán sự Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà tặng lẵng hoa chúc mừng Đại hội

Đảng viên theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Về việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII gắn với Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị: Trên cơ sở kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI), trong nhiệm kỳ, Đảng bộ Bộ Xây dựng tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với thực hiện Chỉ thị số 05 của Bộ Chính trị, Quy định 08 của Ban Chấp hành Trung ương, Quy định 101 của Ban Bí thư; Quy định số 55 của Bộ Chính trị gắn với kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII).

Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch, hướng dẫn của Trung ương trong việc thực hiện Chỉ thị số 05 của Bộ Chính trị và Đảng ủy Khối, Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Xây dựng, xây dựng kế hoạch thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW từng năm và triển khai cụ thể tới các Đảng; Chi bộ trực thuộc. Trên cơ sở đó, các đảng bộ, chi bộ trực thuộc xây dựng kế hoạch thực hiện bảo đảm sát nội dung, yêu cầu của Trung ương, Đảng ủy Khối và Đảng ủy Bộ Xây dựng. Đảng ủy Bộ ban hành Quy định về chuẩn mực đạo đức của cán bộ, Đảng viên Đảng bộ Bộ Xây dựng. Theo đó, các đảng bộ, chi bộ căn cứ vào tình hình thực tế tại cơ quan, đơn vị, để cụ thể hóa chuẩn mực đạo đức, lối sống của cán bộ, Đảng viên đơn vị mình...

Công tác bồi dưỡng, kết nạp Đảng luôn

được các cấp ủy đảng coi trọng, đặc biệt về chất lượng khi xem xét các đối tượng kết nạp Đảng. Đối tượng đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, nữ cán bộ công chức viên chức lao động luôn được quan tâm. Trong nhiệm kỳ, Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ đã quyết định 451 quần chúng kết nạp đảng, trong đó đảng viên mới được kết nạp trong độ tuổi thanh niên là 72%; công nhận chính thức 546 đảng viên dự bị; làm thủ tục tiếp nhận 250 đồng chí; chuyển sinh hoạt đảng cho 543 đồng chí. Tặng Huy hiệu 30, 40 năm tuổi đảng cho 52 đồng chí và phát 423 thẻ Đảng viên.

Phát biểu chỉ đạo tại Đại hội, đồng chí Sơn Minh Thắng, Bí thư Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương đánh giá cao những kết quả mà Đảng bộ Bộ Xây dựng đạt được trong nhiệm kỳ qua trên các lĩnh vực công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Bộ Xây dựng. Đặc biệt, công tác xây dựng thể chế, cải cách hành chính được quan tâm chú trọng, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước của Bộ. Công tác xây dựng Đảng và hoạt động của Đảng bộ Bộ Xây dựng cũng đã có bước chuyển biến rõ rệt, đi vào thực chất và hiệu quả. Những kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của Bộ Xây dựng trong 5 năm qua đã có đóng góp trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội mà Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII đã đề ra.

Đồng chí Sơn Minh Thắng đề nghị, ngay sau

Đại hội, Ban chấp hành Đảng bộ khóa mới cần sớm ban hành Chương trình hành động toàn khóa thực hiện Nghị quyết của Đại hội; đề ra giải pháp và kế hoạch khắc phục những hạn chế, khuyết điểm đã chỉ ra, nhất là trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị. Đồng thời, tiếp tục xây dựng Đảng bộ Bộ Xây dựng đoàn kết, trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng trực thuộc và chất lượng, trách nhiệm nêu gương của đội ngũ cán bộ, Đảng viên.

Tại đại hội, các Đại biểu đã trình bày tham luận, bày tỏ sự nhất trí cao với báo cáo chính trị trình Đại hội, đồng thời đóng góp ý kiến xây dựng

phương hướng, chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm nhiệm kỳ 2020 - 2025 của Đảng bộ Bộ Xây dựng.

Đại hội đã tiến hành bỏ phiếu, bầu Ban Chấp hành Đảng bộ Bộ Xây dựng khóa IX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 gồm 24 đồng chí; bầu đoàn đại biểu chính thức đi dự Đại hội Đại biểu Đảng bộ Khối cơ quan Trung ương lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 gồm 05 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Văn Sinh, Ủy viên Ban Cán sự Đảng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng được Đại hội tín nhiệm giới thiệu và được bầu giữ cương vị Bí thư Đảng ủy Bộ Xây dựng khóa IX, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

**Minh Tuấn**

## **Tổng Công ty HUD khánh thành công trình nhà ở xã hội tại Khu đô thị mới Phước Long, Nha Trang**

Sáng ngày 16/8/2020, Tại Khu đô thị Phước Long, thành phố Nha Trang, Tổng Công ty Phát triển nhà và đô thị (HUD) – Bộ Xây dựng đã long trọng tổ chức Lễ khánh thành và gắn biển công trình CT2 thuộc Dự án Nhà ở xã hội NOXH-01 (quy mô 700 căn hộ) chào mừng Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Tham dự buổi Lễ có đồng chí Phạm Hồng Hà- Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng; đồng chí Nguyễn Khắc Định - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa; đồng chí Nguyễn Tấn Tuấn – Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa cùng nhiều lãnh đạo các Sở ngành của tỉnh Khánh Hòa và thành phố Nha Trang.

Sau một thời gian triển khai Khu đô thị mới Phước Long, hình thành nên một khu đô thị đồng bộ, hiện đại tại cửa ngõ phía Nam của thành phố Nha Trang, nhằm mục tiêu tạo lập quỹ nhà ở xã hội đáp ứng nhu cầu nhà ở đang rất thiếu của các đối tượng chính sách, người thu nhập thấp có khó khăn về nhà ở trên địa bàn



*Bộ trưởng Phạm Hồng Hà và Bí thư tỉnh ủy Khánh Hòa Nguyễn Khắc Định, Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa Nguyễn Tấn Tuấn cùng lãnh đạo chủ Tổng Công ty HUD thực hiện nghi lễ gắn biển công trình*

thành phố Nha Trang đồng thời góp phần đầu tư xây dựng hoàn chỉnh khu đô thị mới Phước Long theo đúng Quy hoạch được duyệt, Công ty HUD Nha Trang đã đề nghị và được UBND tỉnh Khánh Hòa chấp thuận giao làm chủ đầu tư dự án Nhà ở xã hội tại lô đất NOXH-01.

Dự án được khởi công vào tháng 02/2017, đến nay, dự án đã hoàn thành toàn bộ, được nghiệm thu chất lượng công trình xây dựng,





*Ông Nguyễn Tấn Tuân – Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa phát biểu tại buổi Lễ*

phòng cháy chữa cháy... đảm bảo đầy đủ các điều kiện để bàn giao cho người dân định cư, vượt tiến độ 04 tháng so với kế hoạch đề ra theo quyết định chủ trương đầu tư của tỉnh Khánh Hòa. Công tác kinh doanh dự án được tổ chức công khai, minh bạch, đến đúng các đối tượng chính sách theo các quy định hiện hành về nhà ở xã hội.

Dự án là tổ hợp của ba khối chung cư 10 tầng với tổng diện sàn hơn 65.000m<sup>2</sup> trên tổng diện tích khu đất 17.896 m<sup>2</sup> với tổng số 700 căn hộ. Dự án được thiết kế đảm bảo các tiêu chuẩn về thiết kế nhà ở, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường. Khuôn viên dự án có bố trí sân chơi trẻ em, các diện tích cây xanh, thể dục thể thao, phục vụ người cao tuổi và trẻ em. Các căn hộ có thiết kế hợp lý, chiếu sáng và thông gió tự nhiên. Cư dân định cư tại dự án được thụ hưởng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại và các tiện ích khác của khu đô thị mới Phước Long. Dự án nhà ở xã hội Phước Long thực sự là nơi an cư ý tưởng cho những người dân có thu nhập thấp, những đối tượng chính sách xã hội về nhà ở tại Nha Trang đồng thời góp phần mang lại diện mạo mới cho cửa ngõ phía Tây Nam của thành phố biển Nha Trang.

Phát biểu tại buổi lễ, Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa Nguyễn Tấn Tuân cho biết, đây là dự án có ý nghĩa quan trọng để chào mừng



*Ông Nguyễn Việt Hùng – Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty HUD báo cáo về dự án NOWXXH-01*



*Toàn cảnh dự án NOWXXH-01*

Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Ông Nguyễn Tấn Tuân cũng cho biết, trong những năm vừa qua nhu cầu phát triển đô thị, nhà ở của người dân trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa ngày càng tăng, do đó tỉnh Khánh Hòa luôn quan tâm đến việc xây dựng các cơ chế, chính sách để thu hút các nguồn lực tham gia phát triển nhà ở xã hội - dự án này là một công trình mang ý nghĩa nhân sinh, xã hội sâu sắc, thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, chính sách an sinh xã hội đối với các đối tượng chính sách, thu nhập thấp.

Chủ tịch Khánh Hòa cũng bày tỏ được chia sẻ niềm vui với những hộ gia đình chính sách, các hộ dân có thu nhập thấp mua nhà ở xã hội và định cư tại dự án này, đồng thời tin tưởng nơi

đây sẽ là những tổ ấm, là nơi an cư lạc nghiệp lâu dài.

Nhân sự kiện này, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà đã cùng các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của tỉnh Khánh Hòa đi thăm và tặng

quà cho một số hộ gia đình khó khăn, đối tượng chính sách đang mua nhà sinh sống tại dự án NOXH-01.

Minh Tuấn

## **Đề cao cuộc sống xanh và thúc đẩy phát triển xanh - Nghị Xương thúc đẩy công tác phân loại rác thải sinh hoạt**

Trong những năm gần đây, thành phố Nghi Xương, tỉnh Hồ Bắc đã kiên định quan điểm “công tác phân loại rác thải chính là xu hướng mới”, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh phân loại rác thải sinh hoạt, thu gom phân loại, vận chuyển và xử lý phân loại. Tỷ lệ phủ cập phân loại rác thải sinh hoạt tại khu vực đô thị đạt 85% và tỷ lệ phủ sóng của các cơ cấu công cộng đạt 100%.

### **1. Đề cao cuộc sống xanh**

Thành phố Nghi Xương đã tìm tòi và thực thi chế độ khen thưởng “tài khoản xanh” lấy việc đổi điểm làm trọng tâm, đồng thời triển khai rộng rãi hoạt động “Ngày tái chế tài nguyên” để thu gom rác thải có thể tái chế tại nhà. Bằng cách phát túi phân loại rác miễn phí cho cư dân trong cộng đồng và xây dựng quy tắc “đổi tái chế được quy đổi thành cân để tính thành điểm tương ứng và vật phẩm trao đổi”, cư dân có thể dùng điểm của mình để đổi các nhu yếu phẩm hàng ngày bất cứ lúc nào. Hiện tỷ lệ tham gia của người dân tại các cộng đồng dân cư trên địa bàn thành phố đã tăng từ 18% lên 90%.

Các thông tin cơ bản như tên hộ gia đình, số nhà và thông tin liên lạc của cư dân trong cộng đồng được tạo thành “mã hai chiều” và được in trên túi rác chuyên dụng, hệ thống tên thực “một hộ, một mã” được thực hiện. Người giám sát phân loại rác thải kiểm tra tính chính xác của việc phân loại rác của cư dân và thiết lập chế độ “danh sách đỏ và đen” trong phân loại rác thải. Cộng đồng cư dân Bích Thủy Lan Đình

của khu vực Tây Lăng xếp hạng 20 hộ hàng đầu theo số nhà và đăng kèm danh tính của chủ hộ, các đảng viên sử dụng biểu tượng đảng để nhận dạng, tình nguyện viên sử dụng dải ruy băng đỏ để nhận dạng, người bình thường sử dụng ngón tay cái để nhận dạng và học sinh sử dụng khăn quàng đỏ để nhận dạng để đạt được mục tiêu “sáng danh và nêu gương”, từ đó bồi dưỡng tính tự giác phân loại rác của cư dân. Theo giới thiệu, tỷ lệ chính xác của việc phân loại và tập kết rác tại các cộng đồng dân cư trên địa bàn thành phố đã tăng từ 25% lên 80%.

Khám phá mô hình kết hợp nhóm đặc biệt “Vệ sinh môi trường + Tài sản” nhằm nâng cao khả năng tập kết và phân loại rác thải của quần chúng. Cơ quan vệ sinh môi trường của thành phố Nghi Xương chịu trách nhiệm xây dựng các cơ sở phân loại rác thải và tổ chức đào tạo bồi dưỡng về phân loại rác thải. Các công ty dịch vụ tài sản bố trí những người giám sát tuyên truyền phân loại rác thải để hỗ trợ cư dân tập kết và phân loại rác thải, đảm bảo việc phân loại của cư dân được hoàn thành trong một lần.

### **2. Xây dựng một ngành công nghiệp xanh**

Tài chính thành phố Nghi Xương đã phân bổ 80 triệu NDT từ quỹ đặc biệt và gần 200 triệu NDT từ các cơ sở cấp huyện để thúc đẩy việc xây dựng hệ thống phân loại rác thải, tạo ra một “chuỗi công nghiệp” phân loại rác thải “thu gom phân loại từ thượng nguồn, phân chia và vận



chuyển từ trung nguồn và phân chia xử lý từ hạ nguồn".

Xây dựng hệ thống thu gom và vận chuyển chất thải nguy hại. Tổng cộng 13 nghìn container đã được phân loại, 3 trạm trung chuyển chuyên dụng đã được xây dựng để tạo thành một hệ thống thu gom và vận chuyển liền mạch. Vào thời gian đầu bùng phát của bệnh viêm phổi mới, 2.600 thùng rác đặc biệt được dùng để chứa khẩu trang bị loại bỏ trong vòng 48 giờ, 25 tấn khẩu trang thải đã được thu gom và "hệ thống thu gom và vận chuyển khẩu trang thải" đã nhanh chóng được thiết lập, ngăn chặn hiệu quả sự lây lan vi rút từ khẩu trang thải.

Xây dựng hệ thống thu gom và vận chuyển chất thải xây dựng. Thiết lập hệ thống thu gom và vận chuyển rác thải xây dựng gồm "thu gom tại điểm cố định trong cộng đồng, thống nhất vận chuyển vệ sinh môi trường và xử lý tập trung xanh" tại các con phố và ngõ hẻm, tìm tòi cải tạo các thùng chứa chất thải cũ và xây dựng 109 điểm lưu trữ tạm thời rác thải xây dựng, 11 nghìn tấn gỗ phế thải được chuyển thành nhiên liệu hữu cơ cho các nhà máy nhiệt điện, thực hiện "bước đột phá" trong việc tận dụng rác thải xây dựng.

Xây dựng hệ thống thu gom và vận chuyển chất thải nhà bếp. Xây dựng cơ chế hợp tác giữa chính phủ và doanh nghiệp, bố trí 38 xe thu gom rác thải nhà bếp, việc thu gom và vận

chuyển rác thải nhà bếp đã tăng từ 30 tấn/ ngày lên 180 tấn/ngày.

Duy trì sự cộng hưởng cùng tần số giữa phát triển đô thị và phát triển công nghiệp, hướng dẫn các chủ thể thị trường tham gia xây dựng các cơ sở phân loại rác thải. Hiện tại, giai đoạn 1 của dự án Khu công nghiệp tài nguyên tái tạo có thể sản xuất 70 nghìn tấn giấy/ năm, dự án chế biến nhựa có công suất xử lý 40 nghìn tấn nhựa phế thải hàng năm, phế thải nhà bếp tạo ra 1,15 triệu m<sup>3</sup> khí sinh học và hơn 1.244 tấn dầu thô.

Kết hợp giữa phát triển thành phố xanh và lấy nhu cầu làm định hướng, thành phố Nghi Xương tăng cường xây dựng hệ thống phân loại rác thải và thúc đẩy việc "biến rác thải thành kho báu" từ rác thải sinh hoạt. Chuẩn bị xây dựng cơ sở tận dụng tuần hoàn tài nguyên tập trung vào các nhà máy đốt rác thải sinh hoạt phát điện, thực hiện "cùng xử lý 5 loại chất thải" là rác thải sinh hoạt, bùn thải, rác thải xây dựng, rác thải có hại và rác thải rắn tái sinh, xây dựng nên một mô hình vận hành hoạt động khép kín "tài nguyên-sản phẩm-tài nguyên tái tạo".

**Di Ngôn**

*Nguồn: Báo Xây dựng Trung Quốc,  
tháng 7/2020*

**ND: Kim Nhạn**

# HỘI NGHỊ PHỔ BIẾN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ KIẾN TRÚC, XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2020



*Thủ tướng Nguyễn Văn Sinh phát biểu tại Hội nghị*



*Phó Vụ trưởng Vụ Quy hoạch - Kiến trúc Hồ Chí Quang trình bày tham luận tại Hội nghị*